



Tóm tắt nghiên cứu

Tháng 7/2021

▶ Ngành dệt may châu Á hậu COVID-19

Tóm tắt ý chính

- ▶ Khủng hoảng do đại dịch COVID-19 đã gây ra tổn thất và khó khăn đáng kể cho ngành công nghiệp dệt may toàn cầu, ảnh hưởng tới các nhãn hàng, nhà sản xuất và người lao động ở nhiều khía cạnh khác nhau. Đại dịch cũng làm lộ ra những điểm yếu chí mạng trong chuỗi cung ứng dệt may và tác động của những quyết định thuê gia công (từ các nhà mua bán toàn cầu) lên các nhà máy cung ứng và người lao động. Là trung tâm sản xuất lớn trong ngành, châu Á cũng là khu vực tuyến đầu chịu tác động tiêu cực của hiệu ứng gợn sóng trong chuỗi cung ứng.
- ▶ Khủng hoảng cũng mở ra cơ hội liên minh và tư duy mới về tương lai của ngành dệt may, và quan trọng hơn cả, là làm thế nào để định hình lại ngành công nghiệp này cho một tương lai có sức chống chịu tốt hơn, bền vững hơn và lấy con người làm trung tâm.
- ▶ Trước đại dịch, ngành dệt may đang trải qua tình trạng tích tụ trung thị trường trong giới mua bán toàn cầu và sự thống nhất giữa các nhà sản xuất hàng đầu gia tăng, rất nhiều doanh nghiệp trong số này có trụ sở tại châu Á. “Thời trang ăn liền” đã trở thành mô hình kinh doanh chiếm ưu thế. Những tiến bộ của tự động hoá và sự dịch chuyển các nhà máy sản xuất về gần thị trường tiêu thụ vẫn còn tương đối hạn chế.
- ▶ Trong khi đại dịch kìm nén khả năng mua sắm trực tiếp của người tiêu dùng và thúc đẩy các doanh nghiệp cân nhắc lại chuỗi cung ứng của mình, nó lại giúp thương mại điện tử và quá trình số hoá bùng nổ. Sản xuất theo yêu cầu và “thời trang xoay vòng” vẫn sẽ duy trì vị thế quan trọng trong và cả sau giai đoạn phục hồi của ngành công nghiệp. Những ảnh hưởng ồ ạt của thay đổi khí hậu, từ hiện tượng nước biển dâng cho tới mức độ căng thẳng do nhiệt tại nơi làm việc, đang trở thành những thách thức sống còn đối với ngành công nghiệp nếu cơ cấu ngành vẫn giữ nguyên.
- ▶ Nhìn về giai đoạn hậu COVID, bản tóm tắt nghiên cứu này đưa ra ba kịch bản về lộ trình phục hồi của ngành công nghiệp, đó là lặp lại, khôi phục lại và thương lượng lại. Các kịch bản chủ yếu tập trung vào phản ứng của các nhãn hàng và các nhà hoạch định chính sách, và những hệ lụy tại châu Á.
- ▶ Thiếu những sự thay đổi mang tính mục tiêu và cải cách cơ cấu ngành trong quá trình tái cơ cấu, kịch bản lặp lại nhiều khả năng sẽ tác động không đồng đều tới người lao động, đặc biệt là phụ nữ. Một số sẽ được hưởng lợi từ việc sát nhập và tự động hoá, mặt khác nhiều người có khả năng mất việc hoặc phải chuyển sang những công việc chất lượng thấp. Với kịch bản này, tình trạng thâm hụt việc làm thỏa đáng sẽ hiện hữu dai dẳng trên diện rộng trong ngành công nghiệp dệt may.
- ▶ Hai kịch bản còn lại mang tính chuyển đổi: khôi phục lại hình dung các xu hướng từ trước khủng hoảng sẽ tăng tốc trở lại và sự phân nhánh trong ngành công nghiệp trở nên rõ ràng hơn, mang lại những ảnh hưởng cả tích cực lẫn tiêu cực tới việc làm thỏa đáng. Kịch bản thương lượng lại đề cập tới những cải cách trên phạm vi rộng và có tính mục tiêu, đem tới một hình dung mới về mô hình kinh doanh coi tính bền vững xã hội và môi trường là yếu tố bao trùm cốt lõi.
- ▶ Bản tóm tắt nghiên cứu này cho rằng, trong số các kịch bản trên, con đường duy nhất dẫn tới một sự chuyển dịch đúng đắn trong tương lai là thương lượng lại dựa trên nền tảng đối thoại xã hội và cam kết bảo vệ người lao động, đầu tư cho sự tăng trưởng và năng suất của doanh nghiệp, mang lại lợi ích cho mọi mắt xích trong chuỗi cung ứng dệt may.

* Tóm tắt nghiên cứu này được phối hợp thực hiện bởi Arianna Rossi (Better Work, Geneva), Christian Viegelahn (Ban Phân tích Kinh tế và Xã hội cấp khu vực của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Bangkok) và David Williams (Dự án Việc làm Bền vững trong Chuỗi cung ứng Dệt may châu Á, Bangkok). Tóm tắt dựa trên nghiên cứu của các tác giả Jason Judd và J. Lowell Jackson trong Dự án Đối thoại mới tại Trường Quan hệ Lao động và Công nghiệp thuộc Đại học Cornell, phối hợp với ILO và được xuất bản trong tài liệu do Jude và Jackson thực hiện (2021). Đây cũng là tóm tắt nghiên cứu được thực hiện kèm theo *Hiệu ứng gợn sóng trong chuỗi cung ứng: đại dịch COVID-19 đang tác động như thế nào tới công nhân và các nhà máy dệt may tại châu Á và Thái Bình Dương (ILO 2020a)*.

► **Giới thiệu**

Đại dịch COVID-19 đã gây ra thiệt hại và khó khăn đáng kể cho ngành công nghiệp dệt may toàn cầu, ảnh hưởng tới các nhãn hàng, nhà sản xuất và người lao động ở nhiều khía cạnh. Có lẽ không đâu có thể thấy được điều này rõ hơn ở châu Á, khu vực thường được coi là công xưởng dệt may của thế giới.¹ Nhu cầu tiêu dùng toàn cầu giảm, cùng với tình trạng các nhà máy phải đóng cửa theo quy định của chính phủ các nước trong và ngoài khu vực, đã dẫn đến sự sụt giảm giao thương của ngành dệt may toàn thế giới trong năm 2020. Xuất khẩu từ các quốc gia sản xuất tại châu Á sang các thị trường tiêu dùng lớn tuột dốc tới 70%.

Đại dịch đã làm trầm trọng thêm những hậu quả sâu rộng và lâu dài nảy sinh từ quyết định của nhãn hàng và nhà bán lẻ lên sự tồn vong của các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, trong số đó có những quyết định được đưa ra giữa bối cảnh sụt giảm nhu cầu tiêu dùng năm 2020. Tình trạng này cũng tác động tới cuộc sống và sinh kế của hàng triệu công nhân tại châu Á và các nước đang phát triển, phần lớn trong số đó là phụ nữ.

Trung bình, mỗi công nhân dệt may tại châu Á không được đi làm ít nhất từ hai đến bốn tuần trong sáu tháng đầu năm 2020, và phải đối mặt với nguy cơ cao không được quay trở lại làm việc vào nửa cuối năm (ILO 2020a). Nhiều người lao động, đặc biệt là phụ nữ, đã phải chịu cảnh bạo lực và quấy rối gia tăng, khối lượng công việc chăm sóc nhiều hơn và không có khả năng chi trả cho những nhu cầu tối thiểu do việc làm bị gián đoạn. Ngành công nghiệp dệt may là một trong những ngành sản xuất có mức tổn thất việc làm và thời giờ làm việc nhiều nhất do đại dịch COVID-19. Trong một mẫu khảo sát tại 17 quốc gia, trong quý 2/2020, trung bình số giờ làm việc đã giảm 34% và số lượng việc làm trong lĩnh vực dệt may giảm 15% so với năm trước đó. Mặc dù tình hình sáu tháng cuối năm đã cải thiện đôi chút, số giờ làm việc và việc làm trong quý 3/2020 vẫn giảm lần lượt là 15% và 6% (ILO 2021).

Rõ ràng là khủng hoảng đã mang tới tác động khắc nghiệt, phơi bày đặc điểm dễ bị tổn thương mang tính cấu trúc của mô hình kinh doanh và cho thấy sự cần thiết của việc cải cách và cải thiện ngành công nghiệp để tăng cường sức chống chịu và tính bền vững dài hạn. Ở khía cạnh này, đại dịch cũng đã mở ra một cơ hội cho các bên liên quan chung tay hành

động, định hình lại tương lai của ngành công nghiệp dệt may. Bản tóm tắt nghiên cứu này nhằm mục đích phổ cập thông tin về các xu hướng đã định hình sự tăng trưởng và tính bền vững của ngành công nghiệp trong thời kỳ trước đại dịch, bao gồm sự hợp nhất của các đối thủ cạnh tranh trong ngành, tự động hoá, thương mại điện tử, mô hình thuê gia công, và quản lý lao động. Báo cáo phân tích những ảnh hưởng sâu rộng tới người lao động và chuỗi cung ứng do các quyết định mà các bên liên quan, đặc biệt là các nhãn hàng và nhà bán lẻ quốc tế, đưa ra từ đầu đại dịch cho tới thời điểm này (ILO 2020a). Tương tự, những hành động tiếp theo của họ cũng mang tính quyết định trong việc tái cơ cấu ngành dệt may sau khủng hoảng.

Trong bối cảnh các xu hướng này và ảnh hưởng không mong muốn từ các biện pháp phòng chống đại dịch, tóm tắt nghiên cứu này đúc kết những bài học kinh nghiệm và trình bày một số kịch bản phục hồi hậu COVID-19 của ngành công nghiệp dệt may. Những tác động mà người lao động, người sử dụng lao động và nhà hoạch định chính sách, đặc biệt là tại châu Á, có thể phải gánh chịu cũng được xem xét. Trong số các kịch bản được đưa ra, kịch bản dựa trên nền tảng đối thoại xã hội và cam kết bảo vệ người lao động, đồng thời thúc đẩy một công cuộc chuyển dịch theo hướng đúng đắn hơn, tập trung vào tăng trưởng dài hạn và năng suất của doanh nghiệp, nổi bật như là cách khả thi và bền vững duy nhất cho một tương lai mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.

Cấu trúc bản tóm tắt

Tóm tắt nghiên cứu này được chia thành năm mục. Mục 1 nghiên cứu chuyển biến về cấu trúc của ngành công nghiệp dệt may và những nỗ lực giúp ngành tăng khả năng chống chịu trong bối cảnh tình hình thế giới ngày càng trở nên khó dự đoán, chú trọng vào các mô hình kinh doanh và tập quán thuê gia công. Mục 2 xem xét những thay đổi trong sản xuất dệt may mới được áp dụng do quy định của các biện pháp ứng phó với dịch COVID-19, và hàm ý của những thay đổi này đối với người lao động. Mục 3 đề cập đến những xu hướng quản trị lao động mới nổi trong ngành. Mục 4 đưa ra ba kịch bản của ngành công nghiệp dệt may tại châu Á cũng như trên toàn cầu. Phần kết luận trình bày hướng đi trong thời gian tới cùng với những đề xuất về chính sách.

1 Năm 2019, ước tính 75% lao động trong ngành dệt may sinh sống tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương (ILO 2020a).

► Xu hướng dài hạn: Ngành công nghiệp dệt may đang đi về đâu?

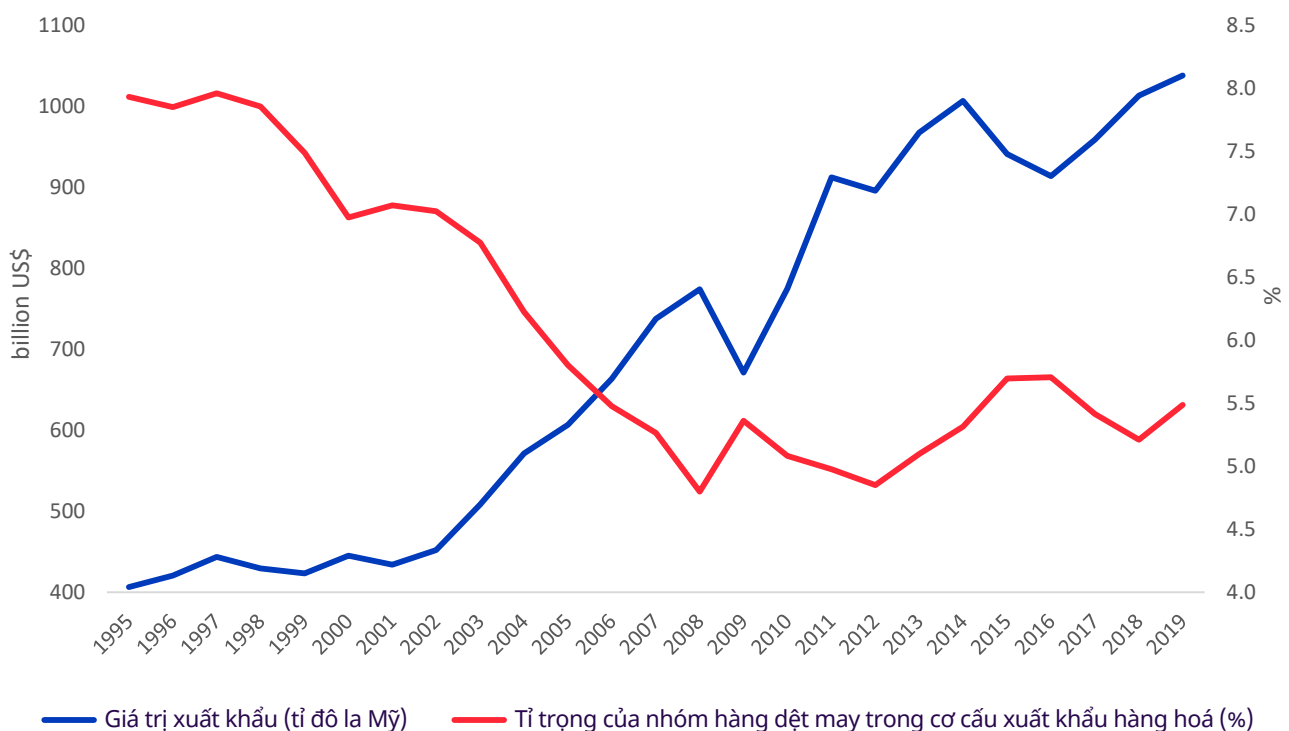
Công nghiệp dệt may tăng trưởng mạnh trước đại dịch

Những thập kỷ vừa qua chứng kiến sự tăng trưởng mạnh của ngành công nghiệp dệt may được đo lường bằng giá trị xuất khẩu toàn cầu. Con số này tăng vọt từ sau năm 2001, thời điểm Trung Quốc gia nhập Tổ chức Kinh tế Thế giới (WTO). Đà tăng trưởng tiếp tục duy trì trong những năm tiếp theo và chỉ bị ngắt quãng trong thời kỳ khủng hoảng tài chính 2008-2009 và 2015-2016, những giai đoạn này ảnh hưởng tới giao thương hàng dệt may nói riêng và giao thương hàng hoá nói chung. Xuất khẩu hàng dệt may toàn cầu tăng từ 434 tỉ đô-la Mỹ năm 2001 lên mức 1,038 tỉ đô-la Mỹ năm 2019. Tuy nhiên, tỉ

trọng xuất khẩu hàng dệt may đã giảm trong giai đoạn 1995 đến 2008. Kể từ năm 2008, nhìn chung xuất khẩu hàng may mặc có tỉ trọng ổn định ở mức 5-6% và tăng trưởng khá đồng bộ với xuất khẩu hàng hoá nói chung.

Thương mại toàn cầu giảm mạnh do khủng hoảng đại dịch COVID-19, chủ yếu trong sáu tháng đầu năm 2020. Nhập khẩu hàng dệt may tại một số thị trường tiêu thụ lớn cũng giảm mạnh do nhu cầu khách hàng sụt giảm, dẫn đến tình trạng đóng cửa nhà máy trên diện rộng và tác động tiêu cực tới hàng triệu người lao động. Giá trị xuất khẩu dệt may của một số quốc gia sản xuất tuột dốc, có nơi lên tới 70% (ILO 2020a).

► Hình 1. Xuất khẩu hàng dệt may toàn cầu, 1995–2019



Chú thích: Đồ thị thể hiện giá trị xuất khẩu ngành hàng dệt may bao gồm các sản phẩm sợi dệt, vải, quần áo và da giày (các sản phẩm trong mục 26, 65, 84 và 85 thuộc Danh mục tiêu chuẩn ngoại thương (SITC), và tỉ trọng giá trị xuất khẩu của ngành này.

Nguồn: tính toán của ILO dựa trên số liệu từ Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD).

Tăng tính tập trung thị trường và đẩy mạnh quá trình củng cố ngành

Mặc dù giá trị thị trường ngành dệt may đã tăng trong những năm trước đại dịch, mức độ tập trung thị trường cũng tăng lên. Mười nhà hàng dệt may hàng đầu đều đặn tăng thị phần từ 8,8% năm 2011 lên 11,4% năm 2020. Tương tự, mười công ty da giày đã tăng thị phần từ 17,9% năm 2011 lên 29,1% năm 2020 (Jude và Jackson 2021). Chỉ có 20 doanh nghiệp nhưng chiếm tới 97% lợi nhuận kinh tế trong cả ngành dệt may; trong số đó, 12 doanh nghiệp nằm trong nhóm 20 công ty có lợi nhuận cao nhất trong thập kỷ vừa qua (theo McKinsey & Company và BOF 2020). Trong bối cảnh đại dịch vẫn tiếp tục thử thách khả năng chống chịu của doanh nghiệp và ưu ái hơn đối với các công ty được trang bị vốn tốt nhất, các xu hướng này gần như chắc chắn vẫn duy trì trong quá trình phục hồi của ngành công nghiệp. Quá trình củng cố ngành nhiều khả năng sẽ được đẩy mạnh hơn (ILO 2020d).

Các nhà hàng cũng đã tiến hành hợp nhất các cơ sở cung ứng trên toàn cầu của mình (Judd và Jackson 2021). Bằng chứng từ các thương hiệu lớn cho thấy mạng lưới cung ứng của họ đã thu hẹp đáng kể, và các nhà cung ứng tập trung ở ít quốc gia hơn so với trước đây. Nike là một ví dụ, họ đã giảm đáng kể số lượng nhà máy da giày trên toàn thế giới từ 163 năm 2010 xuống còn 112 năm 2019 (giảm 31%). Số nhà máy dệt may cũng giảm từ 631 năm 2019 xuống còn 334 năm 2020 (giảm 47%). Các nhà quan sát dự đoán xu hướng này sẽ tiếp diễn hậu khủng hoảng COVID-19 (Judd và Jackson 2021).

Quá trình hợp nhất và tập trung giới hạn trong nhóm những nhà cung ứng lớn vận hành theo mô hình liên kết dọc. Tuy nhiên nó cũng phân chia lại chức năng giữa bên mua và nhà cung ứng, theo đó bên cung ứng chịu trách nhiệm nhiều hơn về các cấu phần trong quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý hàng tồn kho, lưu kho hàng hoá, logistics, lựa chọn công xưởng và lập kế hoạch sản xuất trên nhiều công xưởng (Kumar 2020).

Nhiều nhà quan sát trong ngành công nghiệp dự đoán rằng sản xuất số lượng nhỏ, chủ yếu do các doanh nghiệp vừa và nhỏ đảm nhận, sẽ phát triển trong giai đoạn sau đại dịch (Judd and Jackson 2021). Trong một số trường hợp, thời gian hoàn thiện sản phẩm và lưu kho đối với sản phẩm dệt may trong phân khúc thị trường này có thể được rút ngắn thông qua việc ứng dụng công nghệ dựa trên nền tảng đám mây ("made-in-cloud"), nổi bật ở khả năng tự động hoá nguồn lực, các khâu dự toán và hậu cần (Businesswire 2020). Ít nhất trong tương lai gần đến trung hạn, khó có khả năng phân khúc thị trường này tăng trưởng đạt mức có thể cạnh tranh

sản xuất được với nhóm các nhà cung ứng khổng lồ trong ngành công nghiệp (Judd và Jackson 2021).

Sự chuyển dịch công đoạn thuê gia công ra ngoài Trung Quốc ngày càng phổ biến

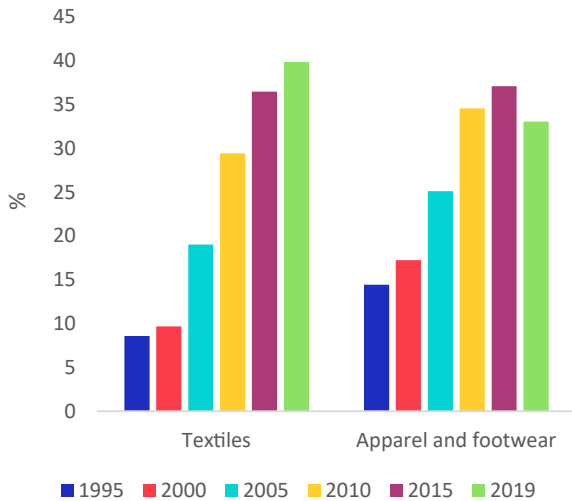
Tập quán thuê gia công theo vị trí địa lý đã thay đổi theo thời gian. Trung Quốc giữ vị trí là nhà cung ứng hàng dệt may và da giày lớn nhất thế giới, chiếm 33% tỉ trọng xuất khẩu toàn cầu trong năm 2019. Tuy nhiên, xuất khẩu đã và đang trên đà giảm dần trong vài năm gần đây kể từ mức 37% năm 2015 (hình 2). Xu hướng này đúng với nhận định của nhiều nhà quan sát, cho rằng sự lệ thuộc vào nguồn cung sản xuất hàng dệt may và da giày từ Trung Quốc đang co lại (Judd và Jackson 2021).

Bangladesh và Việt Nam là hai quốc gia hưởng lợi nhiều nhất khi công đoạn thuê gia công chuyển dịch ra khỏi Trung Quốc (hình 3). Tổng tỉ trọng xuất khẩu dệt may và da giày của cả hai nước tương đương 37% tỉ trọng của Trung Quốc năm 2019 – đây là một con số ấn tượng, xét đến tổng GDP của Bangladesh và Việt Nam chiếm chưa tới 4% GDP của Trung Quốc. Trái lại, tỉ trọng xuất khẩu loại mặt hàng này ở các quốc gia khác như Sri Lanka hay Ấn Độ giữ ở mức ổn định, thậm chí còn giảm. Mặc dù việc đa dạng hoá nguồn gia công thay vì chỉ tập trung tại Trung Quốc là một xu hướng được dự đoán vẫn sẽ duy trì trong giai đoạn hậu COVID-19 và thực tế có thể sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn, khủng hoảng đang khiến một số doanh nghiệp đánh giá lại giá trị họ nhận được khi có một nguồn gia công trải rộng trên nhiều quốc gia nhằm giảm thiểu rủi ro về chuỗi cung ứng. Một số ít nhà phân tích tin rằng xu hướng này sẽ lan ra mạnh mẽ tới các khu vực khác trên thế giới, ví dụ như châu Phi (Abdulla 2021).²

Mặc dù các nguồn gia công hàng dệt may và da giày đã bắt đầu chuyển dịch ra ngoài Trung Quốc, các sản phẩm dệt đến từ quốc gia này vẫn sẽ đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp trong nhiều năm tới. Trung Quốc chiếm 40% tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm dệt toàn cầu năm 2019, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng đã bắt đầu từ khoảng 20 năm trước (hình 2).

2 Trước đại dịch, Myanmar là một điểm đến sản xuất hàng dệt may mới nổi, mặc dù quy mô và giá trị xuất khẩu vẫn nhỏ so với các nước láng giềng như Bangladesh và Việt Nam. Sau cuộc đảo chính của quân đội tháng 2/2021, đã có nhiều quan ngại về tương lai của quốc gia này trong bản đồ sản xuất, mặc dù nhiều thương hiệu đã tiếp tục đặt hàng lại từ Myanmar sau giai đoạn ngưng trệ. Các dữ liệu liên quan đến Myanmar trong bản tóm tắt này được thu thập trước sự kiện đảo chính.

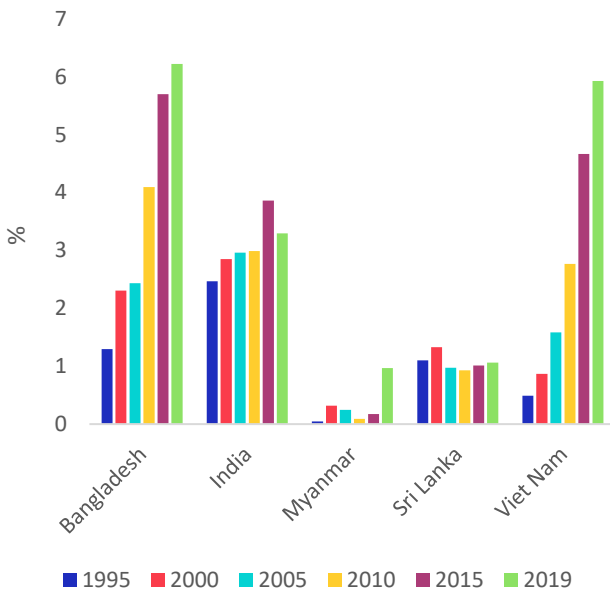
► **Hình 2. Tỷ trọng xuất khẩu các nhóm hàng của Trung Quốc (%)**



Chú thích: Trong đồ thị này, sản phẩm dệt gồm các mặt hàng được nêu trong mục 65 SITC. Quần áo và da giày là các mặt hàng trong mục 84 và 85 SITC.

Nguồn: tính toán của ILO dựa trên số liệu từ UNCTAD.

► **Hình 3. Tỷ trọng xuất khẩu quần áo và da giày của một số quốc gia (%)**



Chú thích: Quần áo và da giày là các mặt hàng trong mục 84 và 85 SITC.

Nguồn: tính toán của ILO dựa trên số liệu từ UNCTAD.

Linh hoạt trong cung ứng, chú trọng “tốc độ và khả năng kiểm soát” vẫn là mô hình kinh doanh chiếm ưu thế

“Thời trang ăn liền” là mô hình kinh doanh chiếm ưu thế trong ngành công nghiệp dệt may từ rất lâu trước đại dịch COVID-19, theo đó các nhãn hàng và nhà sản xuất luôn chịu sức ép phải rút ngắn thời gian tiêu thụ sản phẩm, bởi đây được hương thưởng đo khả năng thích ứng và nhanh chóng đáp ứng các xu hướng thời trang (Berg và các cộng sự, 2018). Trước đại dịch, thời gian đưa sản phẩm ra thị trường của một số thương hiệu là khoảng một tháng, thậm chí còn ngắn hơn (Tạp chí The Economist 2005; Berg và các cộng sự, 2018).

Một nghiên cứu tiến hành năm 2010 đã noi theo chiến lược điển hình dành cho mô hình thời trang ăn liền do Zara/Inditex tiên phong thực hiện, với mục đích tăng tính linh hoạt trong cung ứng và đối phó với tình trạng nguồn cung bị trì hoãn. Mô hình hướng tới việc tăng doanh thu thông qua biện pháp cắt giảm những khoản lỗ do việc giảm giá tại cửa hàng và tình trạng khan hàng. Nghiên cứu chỉ ra rằng, doanh thu tăng 5% kéo theo lợi nhuận và giá trị vốn hoá thị trường đều tăng ở mức hai con số (trong khoảng 22 đến 28% với lợi nhuận và 30 đến 43% với giá trị vốn hoá), do sự linh hoạt trong nguồn cung đã giúp doanh nghiệp giảm chi phí tồn kho (Hausman và Thorbeck 2010). Mặc dù chiến lược này có thể mang lại lợi ích đáng kể, sự thành công của nó phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có dự đoán chính xác nhu cầu và rủi ro, cam kết trước sản xuất về chất liệu, khả năng sản xuất và vận chuyển, và trì hoãn việc quyết định về lượng hàng lưu kho càng lâu càng tốt (Hausman và Thorbeck 2010).

Mặc dù là chiến lược do Zara thiết kế, tới nay, việc lập kế hoạch một cách kỷ luật và cần chủ động nghiên cứu dữ liệu vẫn còn hiếm trong ngành dệt may, và mới chỉ có một vài ngoại lệ. Các chuyên gia nhấn mạnh lý do khiến toàn bộ lĩnh vực này vẫn trì trệ trong việc thay đổi, gây lãng phí và thiếu hiệu quả trong các quy trình đầu-cuối, đặc biệt khi so sánh với các ngành có nhà máy sản xuất trải rộng trên nhiều khu vực như công nghiệp điện tử và ô tô (Judd và Jackson 2021). Theo các chuyên gia, trong giai đoạn trước đại dịch, thay vì ngăn những khoản lỗ khổng lồ do hạ giá bán, tồn kho quá mức và dự đoán thiếu chính xác, các nhãn hàng đã tiếp tục tập trung vào việc duy trì hiệu suất sản xuất và giá thành sản phẩm bằng cách tăng sức ép lên người lao động và nhà cung ứng nhằm duy trì lợi nhuận (Robinson và các cộng sự 2019, Vaughan-Whitehead và Caro 2017).

Những hạn chế về nơi làm việc và việc đi lại do dịch bệnh đã đẩy nhanh quá trình số hoá trong sản xuất và lập kế hoạch. Điều này có khả năng sẽ tiếp tục tạo điều kiện cho việc rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường (Judd và Jackson 2021).

Mức độ dịch chuyển công xưởng về gần những thị trường truyền thống vẫn còn hạn chế

“Near-shoring” được định nghĩa là xu hướng chuyển dịch lại nhà máy sản xuất về gần các thị trường tiêu thụ chính tại châu u và Bắc Mỹ. Tính khả thi, quy mô và ảnh hưởng của sự dịch chuyển này tới những công nhân tại châu Á vẫn còn là dấu hỏi trọng tâm của ngành công nghiệp dệt may.³

Các dữ liệu cho thấy những nhà thu mua từ Liên minh châu u (EU) và Ủy ban châu u đang xem xét việc hỗ trợ đẩy mạnh xu hướng “near-shoring” thông qua việc giảm thuế thương mại cho các mặt hàng liên quan đến dệt may tại các quốc gia như Bulgaria, Ai Cập, Morocco và Thổ Nhĩ Kỳ - là những nước đã và đang cung ứng cho các thương hiệu châu u (Arnett 2020). Tuy nhiên, cũng có thể những triển vọng cho sự dịch chuyển “near-shoring” đã được phóng đại, bởi xét cho cùng, một xu hướng như vậy có khả năng sẽ chịu ảnh hưởng của những khó khăn về năng lực sản xuất của nhiều quốc gia trong danh sách trên (Judd và Jackson 2021).

Tại Mỹ, tranh chấp thương mại leo thang với Trung Quốc cùng với tình trạng gián đoạn nguồn cung phổ biến trong giai đoạn đại dịch, một lần nữa làm dấy lên những thảo luận về việc chuyển một số nhà máy sản xuất cho thị trường Mỹ đến khu vực Trung Mỹ trong tương lai sau đại dịch. Tuy nhiên, dù đang có hiệp định thương mại dài hạn với Guatemala, Haiti, Honduras, Mexico và Nicaragua, việc chuyển dịch này có lẽ không mang lại nhiều lợi ích cho các thương hiệu Mỹ khi cân nhắc “chi phí thu mua”⁴ các sản phẩm đã được sản xuất tại Bangladesh, Trung Quốc và Mexico (Robinson và các cộng sự 2019).⁵ Tương tự như vấn đề Liên minh châu u gặp phải trong quá trình “near-shoring”, công suất cũng là một rào cản tại Trung Mỹ, đặc biệt là cơ sở hạ tầng sản xuất sản phẩm dệt may còn hạn chế (fibre2fashion 2020). Và mặc dù các chuyên gia đã để ý thấy các nhà thu mua Mỹ có thể sẽ xem xét tìm kiếm cơ hội mới trong khu vực sau đại dịch, các

yếu tố thể mạnh của châu Á, ví dụ như nguồn nguyên liệu thô sẵn có, sẽ tiếp tục là cái bóng bao trùm lên triển vọng của xu hướng “near-shoring” (Judd và Jackson 2021).

Kể cả sau giai đoạn đại dịch, sự kiểm soát của Trung Quốc đối với phần lớn nguyên liệu đầu vào, cộng với nguồn lao động giá rẻ dồi dào tại một số nước Nam Á và Đông Nam Á, sẽ tiếp tục là yếu tố mang tính quyết định trong việc xác định địa điểm thuê gia công của ngành dệt may. Bất chấp những rào cản về năng lực sản xuất tại các quốc gia gần thị trường Mỹ và EU, một số nhà quan sát vẫn dự báo xu hướng “near-shoring” sẽ tăng sau đại dịch, đặc biệt đối với sản phẩm quần áo và giày giá trị cao có quy trình sản xuất được tự động hoá cao. “Về gần” cũng có thể là kết quả của việc chuyển trọng tâm sang các mô hình kinh doanh tuần hoàn như một biện pháp thay thế bền vững cho hệ thống sản xuất tuyến tính “thu mua-sản xuất-vứt bỏ” (McKinsey & Company 2018). Các sản phẩm may mặc thiết yếu không yêu cầu cao về tốc độ sản xuất, như tất và đồ lót, vẫn sẽ được gia công chủ yếu tại các trung tâm sản xuất “truyền thống” như châu Á (Judd và Jackson 2021).

Tiến trình tự động hoá tương đối chậm

Những thay đổi trong công nghệ, bao gồm tự động hoá, có thể mang lại những tác động có tính tàn phá và chuyển đổi về nghề nghiệp, kéo theo đó là các yêu cầu kỹ năng đối với người lao động (ILO 2020e). Quyết định sử dụng máy móc thay thế con người phụ thuộc vào mức lương, công nghệ mới, vốn khả dụng, và dĩ nhiên là kỳ vọng vào một nhu cầu tiêu thụ ổn định hoặc tăng trưởng. Tự động hoá trong sản xuất hàng dệt may đã có xu hướng diễn ra chậm hơn so với các nhóm ngành sản xuất khác, thể hiện ở lượng robot bán ra thấp⁶ (Kucera và Bárcia de Mattos 2020). Nguyên nhân chủ yếu do mức lương của người lao động tại các quốc gia chiếm ưu thế trong sản xuất dệt may như Bangladesh, Campuchia, Ấn Độ và Việt Nam vẫn còn tương đối thấp (ILO 2019a). Trung Quốc là một ngoại lệ khi sở hữu ngành công nghiệp dệt may được chú trọng đầu tư vào công nghệ tự động hoá, cùng lúc đó chuyển hướng sang các hàng hoá có giá trị gia tăng cao hơn từ sau khi kết thúc Hiệp định dệt may đa hương năm 2005 (Vandenbussche và các cộng sự 2013).

3 Khi các trung tâm sản xuất truyền thống tại châu Á cũng trở thành những thị trường tiêu thụ quần áo mới nổi (tại những khu vực có mức thu nhập tăng dần và tầng lớp trung lưu mở rộng), sức ép phải duy trì sản xuất - thậm chí là chuyển nhà máy sản xuất về thị trường ban đầu - trong khu vực có thể được xem như đối chọi với xu hướng dịch chuyển hiện nay (về phía châu u và Bắc Mỹ). Trong bản tóm tắt này, chúng tôi chỉ bàn đến “dịch chuyển nhà máy” về những thị trường tiêu thụ chính hiện nay tại châu u và Bắc Mỹ.

4 “Chi phí thu mua” là chi phí để đưa một sản phẩm từ công xưởng về kho hàng của công ty, bao gồm cước và các chi phí khác liên quan đến vận chuyển.

5 Những dữ liệu khác cũng cho thấy xu hướng quay trở lại với cách làm quen thuộc: khảo sát của Ernst & Young công bố vào tháng 11/2020 cho thấy tỉ lệ các chủ doanh nghiệp đang xem xét chuyển các nhà máy sản xuất về châu u đã giảm từ 83% trong tháng 5 xuống còn 37%. Khi châu Á dần phục hồi sau đại dịch, các doanh nghiệp đã quyết định “không làm gián đoạn chuỗi cung ứng của họ thêm nữa (Alderman 2020).

Sản xuất tự động trong ngành dệt may cũng vô cùng phức tạp. Việc di chuyển vải khi may đòi hỏi nhiều chuyển động phức tạp để lấy và giữ các mảnh đúng vị trí. Chỉ có các robot may mặc “sewbot” công nghệ cao mới có thể thực hiện được khâu này, với sự hỗ trợ của máy quay, công nghệ vẽ bản đồ, trí tuệ nhân tạo và thuật toán, cũng như hệ thống máy móc phức tạp sử dụng các khoảng chân không, cánh tay robot và bánh lăn (Gerber Technology 2019). Các hệ thống tự động đắt đỏ và đòi hỏi người lao động cần có kỹ năng vận hành từ trước khi chúng được xem xét đưa vào sử dụng (Bárcia de Mattos và các cộng sự 2020).

Mặc dù những quy trình cốt lõi như may chủ yếu vẫn do con người thực hiện, đã có những tiến bộ trong tự động hoá đối với các quy trình phụ như cắt, ráp và các quy trình phụ trợ. Những sức ép hậu đại dịch đối với ngành dệt may nhiều khả năng sẽ thúc đẩy việc áp dụng công nghệ may mới. Nhưng tiến độ cũng như quy mô áp dụng vẫn chưa rõ ràng (Judd và Jackson 2021).

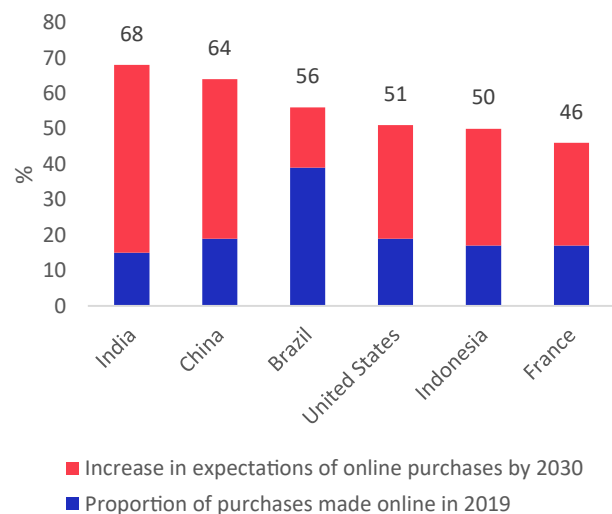
Thương mại điện tử trở thành đặc trưng của giai đoạn đại dịch

Cách thức tiêu dùng sản phẩm dệt may đã thay đổi trong những năm gần đây. Đại dịch nhiều khả năng đẩy mạnh nhiều xu hướng vốn đã tồn tại từ trước. Kết quả từ một khảo sát tiêu dùng trước đại dịch của Deloitte tại một số thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới cho thấy lượng tiêu thụ trực tuyến của các sản phẩm dệt may và da giày sẽ chiếm tỉ trọng lớn hơn nhiều vào năm 2030, đặc biệt tại các nền kinh tế lớn trong khu vực như Trung Quốc và Ấn Độ (hình 4). Dữ liệu từ các nhãn hàng lớn (dệt may và da giày) trong đại dịch gợi ý xu hướng này sẽ còn tăng trong giai đoạn phục hồi – nó cũng đồng bộ với xu hướng tăng trưởng chung trong doanh thu từ thương mại điện tử trên toàn bộ lĩnh vực bán lẻ (UNCTAD 2020).

Theo Judd và Jackson (2021), nhiều nhà bán lẻ trong ngành dệt may báo cáo tổn thất nặng nề về doanh thu trong năm 2020 do hậu quả của đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, ít nhất thua lỗ trong doanh số tại cửa hàng đã được bù đắp phần nào từ doanh số bán hàng trực tuyến tăng mạnh. Ví dụ, Uniqlo/Fast Retailing Co. báo cáo đã tăng trưởng đáng kể trong thương mại điện tử, với doanh số trực tuyến đạt ngưỡng cao nhất khoảng 2,8 tỉ đô-la Mỹ (chiếm 15% tổng doanh số). Một ví dụ khác là PVH, công ty này có doanh số trực tuyến tăng 70% trong quý 3/2020 so với năm trước đó. Doanh nghiệp bán lẻ GAP ghi nhận doanh số trực tuyến tăng 56% vào cuối tháng 10/2020 so với năm 2019 (chiếm 45% tổng doanh số).

Trước giai đoạn khủng hoảng, lĩnh vực bán lẻ trực tiếp giống như một bong bóng, ở đó số lượng sản phẩm và cửa hàng bán lẻ tăng ồ ạt trong khi hàng tồn kho ở mức cao (Judd và Jackson 2021). Bong bóng vỡ do sức ép của đại dịch đã buộc các nhãn hàng và nhà bán lẻ tăng tốc hội nhập và số hoá một hệ thống thiết kế, lập kế hoạch và sản xuất của riêng mỗi doanh nghiệp.

► **Hình 4. Thương mại điện tử trong lĩnh vực dệt may, 2019 và 2030 (dự báo)**



Nguồn: Deloitte 2020

Thời trang thiết kế và “thời trang xoay vòng” vẫn là những xu hướng quan trọng

Bán lại, thuê quần áo và cho thuê quần áo – một quy trình thiết kế, sản xuất và tiêu thụ hướng đến tăng lượt sử dụng và tái sử dụng sản phẩm dệt may cũng như sử dụng những chất liệu an toàn và có khả năng tái tạo – là một xu hướng đang trở nên phổ biến, và đại dịch dường như cũng thúc đẩy việc chuyển sang mua đồ đã qua sử dụng các thị trường tiêu thụ ở các nước phát triển. Thị trường bán lại tại cả châu Âu và Mỹ đều đang trên đà lớn mạnh, với sự xuất hiện của các cửa hàng bán lẻ lớn chuyên về các sản phẩm đã qua sử dụng (Deloitte 2020; Judd và Jackson 2021). Có thể nhận thấy rằng quần áo đã qua sử dụng đang được thế hệ trẻ ưa thích hơn (Delisio 2020). Tuy vậy, tương lai của những mô hình tiêu dùng thay thế này vẫn còn khá mờ昧, đặc biệt khi khía cạnh môi trường của chúng ngày càng được soi xét kỹ lưỡng hơn (Delisio 2020).⁷

7 Judd và Jackson (2021) trích dẫn một đánh giá gần đây từ một thương hiệu lớn, trong đó chỉ ra rằng công đoạn vận chuyển quần áo từ người cho thuê tới người thuê và quay trở lại bằng đường hàng không tạo ra tác động tới khí hậu còn nặng nề hơn những lợi ích nhận được từ kinh tế “tuần hoàn”.

Những thay đổi dài hạn trong thói quen thời trang cũng đang nhanh xu hướng thời trang thiết kế. Mô hình sản xuất với số lượng nhỏ hoặc theo yêu cầu của khách hàng có thể giúp tăng năng suất và cả lợi nhuận khi ứng dụng thử mẫu cho khách hàng bằng thuật toán và công nghệ dệt 3D. Đối với những nhà bán lẻ truyền thống hơn, các mô hình mới này cũng giúp giảm những tổn thất đến từ công tác quản lý hàng tồn kho yếu kém dẫn tới tình trạng giảm giá bán và khan hàng (Nishimura 2021).

Trong thời gian gần đây, khái niệm “thời trang xoay vòng” được khuyến khích trong ngành công nghiệp dệt may, tập trung vào ý tưởng tái sử dụng và tái chế mọi nguyên liệu, đồng thời cắt giảm rác thải và ô nhiễm. Theo khái niệm này, sản phẩm thời trang cần có thể truy xuất nguồn gốc, sản xuất minh bạch và bền vững hơn cho doanh nghiệp, người tiêu dùng và môi trường.⁸

Tuy vậy, mô hình tuyến tính vẫn chiếm ưu thế hiện nay. Tốc độ của quá trình bền vững hoá ngành công nghiệp vẫn còn chậm. Kể cả trong giai đoạn trước đại dịch, quá trình này cũng không đủ nhanh để bù đắp cho tác động gây hại đến từ sự tăng trưởng của ngành thời trang (GFA, BCG và SGC 2019). Thêm vào đó, dự đoán trước đại dịch về mức thu nhập tăng vọt của thị trường tiêu thụ 4,3 tỉ dân châu Á, cùng với doanh số bán sản phẩm mới toàn cầu hàng năm tăng 4-5%, có khả năng vượt xa mức tăng của nhóm sản phẩm tái sử dụng và tái bán. (EIU 2013; GFA, BCG và SGC 2019; Hall 2017).

Khoa học và cơ sở hạ tầng để đánh giá và mở xẻ tiến trình thực hiện cam kết về môi trường – như chuyển hướng sang nông nghiệp tái sinh và sử dụng chất liệu sợi tổng hợp – đang phát triển nhanh chóng. Nhưng những phân tích tổng hợp mới đây về nỗ lực thực hiện tiến trình cho thấy sự xa rời giữa mục tiêu, hành động và kết quả, khi mà tác động từ những sáng kiến bền vững tiên tiến nhất trong ngành công nghiệp vẫn chỉ giới hạn ở việc hạ sức ép về giá (Lollo và O'Rourke, 2020a).

Dữ liệu cho thấy “sự xa rời giữa ý định và hành động” của người tiêu dùng vẫn hiện hữu, khi mà thái độ ủng hộ việc tiêu dùng bền vững lại không được thể hiện ở hành vi thực tế (White, Hardisty và Habib 2019). Trong khi sự quan tâm của người tiêu dùng tới quyền của người lao động và ảnh hưởng của chuỗi cung ứng lên môi trường ngày càng tăng, các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra tâm lý dè dặt phổ biến ở người mua hàng khi phải trả mức giá tương xứng cho sản phẩm đảm bảo các yếu tố trên (với các tiêu chuẩn cao hơn về môi trường và xã hội). Quan ngại của người mua có thể sẽ tiếp tục tăng, trong bối cảnh những câu chuyện về thiệt hại và khó khăn

của người lao động được công khai ngày càng nhiều trên các hương tiện truyền thông đại chúng trong thời kỳ đại dịch.

Là một trong những tác nhân gây biến đổi khí hậu, ngành công nghiệp dệt may đồng thời cũng dễ bị tổn thương trước ảnh hưởng của biến đổi khí hậu

Quá trình chuyển dịch đúng đắn trong ngành dệt may không có cơ sở vững chắc do thiếu sự kết nối giữa các vấn đề xã hội với môi trường. Từ trước tới nay, tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu lên ngành dệt may vẫn ít được chú ý tới trong cuộc tranh luận về tính bền vững, bị lu mờ chủ yếu bởi những tranh cãi liên quan tới lượng khí thải carbon và ảnh hưởng tới sinh thái, cũng như những hậu quả của quá trình sản xuất ồ ạt với số lượng lớn và mức tiêu thụ ít hơn mức sản xuất (Judd và Jackson 2020). Biến đổi khí hậu có liên quan tới hiện tượng nước biển dâng và thời tiết cực đoan, kéo theo đó là tác động lên các nhà cung ứng và công xưởng tại những khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của triều cường như Dhaka, Thành phố Hồ Chí Minh và Jakarta. Trong khi đó, cả bên mua và nhà cung ứng dường như không có kế hoạch đối phó với nguy cơ giảm việc làm và thu nhập do tình trạng nước biển dâng, và cũng không coi đây là một mối đe dọa cấp bách (Judd và Jackson 2021).⁹

Thái độ tương đối thờ ơ của bên mua về tác động của tình trạng nước biển dâng làm nổi bật bản chất của mối quan hệ kinh tế trong lĩnh vực dệt may. Phần lớn doanh nghiệp không sở hữu công xưởng sản xuất riêng. Do đó, bên sản xuất phải chịu hoàn toàn rủi ro, ví dụ như khi xảy ra thảm họa lũ lụt. Các nhà cung ứng được cấp vốn tốt và hoạt động xuyên quốc gia có thể có khả năng đóng cửa các cơ sở sản xuất đặt tại các vùng trũng và hợp nhất các nhà máy sản xuất ở những khu vực cao hơn nếu cần thiết. Những nhà cung ứng quy mô nhỏ hơn, thường là doanh nghiệp địa phương, có ít lựa chọn hơn. Một ví dụ về ngành dệt may đặc biệt dễ tổn thương là Bangladesh. Tương tự, người lao động cũng không có nhiều lựa chọn, trừ những người sẵn sàng và có khả năng di cư để tìm việc làm.

8 Ủy ban châu Âu xác định sản phẩm dệt thuộc nhóm hàng ưu tiên trong nền kinh tế tuần hoàn, và các quốc gia như Hà Lan đã bắt đầu đặt ra các mục tiêu cụ thể theo hướng này.

9 Judd và Jackson (2021) đưa ra nghiên cứu sâu hơn về các xu hướng này, với những dự đoán bằng hình ảnh về tình trạng nước biển dâng gây ngập úng các vùng tập trung nhiều công xưởng dệt may và da giày ở châu Á, trong đó có Dhaka, Thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Châu.

Hiện tượng nóng cực đoan cũng trở nên trầm trọng hơn tại các vùng xuất khẩu dệt may chủ chốt ở châu Á – phần lớn trong số này nằm trong khu vực địa lý có nền nhiệt cao, và các nhà máy dệt may đặt tại đây thường không có điều hoà (Judd và Jackson 2021). Nhiệt độ cao có thể dẫn đến những hệ lụy dài hạn cho sức khoẻ do cơ thể mất nước, sốc nhiệt và thậm chí tăng nguy cơ ngộ độc khí do hít phải các hoá chất tại nơi làm việc (ILO 2019d). Nó cũng mang tới cho người lao động và nhà cung ứng những rủi ro trước mắt và dễ thấy hơn: mất hoặc giảm thu nhập do bệnh tật, năng suất thấp hơn và thời gian sản xuất kéo dài hơn (Somanathan và cộng sự 2021; Sebastio 2018). So với vấn đề nước biển dâng (cần có nỗ lực tổng thể của chính phủ trong tất cả các ngành nghề kinh tế), chính phủ và ngành dệt may nhìn chung có thể dễ dàng tách riêng và xử lý các nguy cơ liên quan tới mức nhiệt cao để giải quyết (nhất là doanh nghiệp có thể kiểm soát nhiệt độ môi trường làm việc thông qua đầu tư vào thiết kế hạ tầng, lắp đặt hệ thống thông gió và làm mát).¹⁰

Các liên minh mới có thể khuyến khích việc cân nhắc lại mối quan hệ giữa bên mua và nhà cung ứng

Đại dịch đã làm nổi ra nhiều tranh cãi trong ngành công nghiệp dệt may về việc “tái hình dung” mối quan hệ chủ yếu mang tính giao dịch giữa bên mua và nhà cung ứng. Theo báo cáo từ The Business of Fashion và McKinsey & Company (2020), trong số những lãnh đạo phụ trách thuê gia công đã tham gia khảo sát, 73% tin tưởng vào một “mối quan hệ sâu sắc hơn” hậu đại dịch. Nhưng vẫn còn nhiều hoài nghi về điều này, do sự chia rẽ trong thời gian dài và thâm hụt lòng tin giữa bên mua, bên bán và bên cung ứng – và những quyết định kinh doanh được đưa ra trong đại dịch không giúp cải thiện chút nào tình trạng đó (Judd và Jackson 2021; Anner 2020).

“Quan hệ đối tác” hàm ý một mối quan hệ chia sẻ rủi ro chính thức và bền vững xuyên suốt chuỗi cung ứng, đặt dấu chấm hết cho sự phân chia quyền lực truyền thống giữa bên mua, nhà cung ứng và người lao động. Mặc dù nhóm doanh nghiệp sản xuất lớn nhất thường có khả năng đạt được những điều khoản tốt hơn thông qua các quan hệ đối tác thương mại và chia sẻ rủi ro trên phạm vi rộng của mình, mô hình hợp tác này lại không phổ biến ở các doanh nghiệp ngoài nhóm (Judd và Jackson 2021; Better Buying 2020). Một khảo sát năm 2017 của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) ước tính 52% các nhà cung ứng sản phẩm dệt may đã từng chấp nhận các đơn đặt hàng có giá trị không đủ trang trải chi phí sản xuất (Vaughan-Whitehead và Caro 2017). Tại thời điểm

đầu đại dịch năm 2020, các công ty thu mua đã huỷ - hoặc không có khả năng thanh toán - lượng đơn hàng có giá trị ước tính 16,2 tỉ đô-la Mỹ (BOF và McKinsey & Company 2020; Dean 2020). Kể từ đó, số liệu báo cáo ghi nhận nhiều nhà cung ứng đã phải đối mặt với sức ép nặng nề hơn, buộc họ phải gia hạn thanh toán, giảm giá sâu và chấp nhận các đơn đặt hàng có giá trị thấp hơn chi phí sản xuất (Anner 2020). McKinsey & Company nhận thấy, tại thời điểm 2020, chỉ có 17% công ty thu mua ở Bangladesh sẵn sàng tham gia vào mô hình quan hệ đối tác bền vững để “cùng đầu tư vào nhà cung ứng [của mình] nhằm đảm bảo năng lực sản xuất trong tương lai”.

Cuộc khủng hoảng do đại dịch COVID-19 đã dẫn đến sự ra đời của những liên minh mới trong ngành giữa các công đoàn và hiệp hội sử dụng lao động, với mục đích chính là chung tay đối chọi với tập quán mua bán của các bên mua hàng (nhìn nhận tác động kép của những tập quán này lên doanh thu của nhà cung ứng, cũng như lên mức lương và điều kiện lao động của công nhân). Điều này đặc biệt đúng tại Bangladesh, khi các doanh nghiệp sử dụng lao động và công đoàn tại đây đã thống nhất việc huỷ các đơn hàng trong giai đoạn đại dịch (Judd và Jackson 2021). Sự gián đoạn trong sản xuất dệt may năm 2020 cũng góp phần thúc đẩy mạnh mẽ một mạng lưới các hiệp hội sản xuất, mang tên Dệt may Bền vững Khu vực châu Á (Mạng lưới STAR). Mạng lưới này đã khởi động một chiến dịch về các tập quán mua bán vào tháng 1/2021¹¹. Sáng kiến về Thanh toán cho Nhà sản xuất và Điều khoản Giao hàng nhằm mục tiêu đặt ra cho các nhãn hàng mức kỳ vọng tối thiểu và các cách thức tối ưu liên quan tới quy trình thanh toán và điều kiện vận chuyển hàng hoá (IAF 2021).

Trong khi các mô hình liên minh này có thể gặp phải những sức ép khiến chúng khó tồn tại lâu dài, bản thân sự xuất hiện của chúng đã đánh dấu một khả năng thay đổi mối quan hệ công khai giữa các nhãn hàng và công ty bán lẻ với những nhà cung ứng tại châu Á và các nơi khác.

10 Vẫn còn những thách thức lớn trong việc quản lý nguy cơ gây ra do mức nhiệt cao tại các doanh nghiệp sản xuất nhỏ hơn và kém chuyên môn hoá trong lĩnh vực dệt may, đặc biệt khi việc sử dụng năng lượng vẫn phụ thuộc vào các nguồn năng lượng truyền thống với lượng khí thải carbon cao.

11 Thành viên mạng lưới STAR năm 2021 bao gồm các hiệp hội sản xuất đến từ Bangladesh, Cam-pu-chia, Trung Quốc, Myanmar, Pakistan và Việt Nam. Xem tại <http://www.asiatex.org/en/about/184.html>.

► **Những thay đổi này có ý nghĩa gì đối với người lao động ngành dệt may trong tương lai?**

Có sự đồng thuận rộng rãi giữa người mua, nhà cung cấp và các công đoàn rằng việc tái phân bổ rủi ro và chi phí trong ngành dệt may hậu đại dịch là cần thiết, đặc biệt là để giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương của người lao động - và thực tế là cả nhà cung cấp - trước những cú sốc kinh tế (Judd và Jackson 2021). Nhưng trong phần tiếp theo sẽ trình bày rõ hơn, việc hiện thực hóa tầm nhìn này chỉ là một trong số các viễn cảnh có thể xảy ra trong quá trình phục hồi sau đại dịch của ngành.

Các cú sốc cung - cầu trong làn sóng COVID-19 đầu tiên năm 2020 đã tác động sâu sắc đến người lao động ngành dệt may (ILO 2020c). Tình trạng các bên mua đơn phương hủy đơn đặt hàng trong giai đoạn này đã lôi kéo sự quan tâm đáng kể của giới truyền thông, trong khi các biện pháp ứng phó của mỗi quốc gia và cộng đồng quốc tế được phần lớn ngành dệt may ghi nhận là hữu ích nhưng chưa thoả đáng. Các biện pháp này bao gồm chương trình hỗ trợ thu nhập và bảo trợ xã hội mở rộng (ở các nước sản xuất), bồi thường thương hiệu cho các hợp đồng bị phá vỡ và các cam kết ban đầu về tiền lương cũng như bảo trợ xã hội dài hạn theo Lời kêu gọi hành động toàn cầu do ILO điều phối (Judd và Jackson 2021; ILO 2020).¹²

Quá trình tái cơ cấu ngành sau đại dịch sẽ gây ra những tác động không đồng đều lên người lao động

Sự phục hồi kinh tế thường không đồng đều, và những lao động dễ bị tổn thương nhất thường là nhóm đối tượng được hưởng lợi cuối cùng và ít nhất, khiến cho tình trạng bất bình đẳng trước khủng hoảng càng thêm trầm trọng - điều này đã được thấy từ hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009 (ILO 2021; ILO 2010).

Những xu hướng xuất hiện từ trước khủng hoảng hướng tới tăng cường tính tập trung và sự thống nhất trong ngành dệt may nhiều khả năng sẽ dẫn đến sự hiện diện ngày càng tăng của các nhà cung cấp toàn cầu lớn, được cấp vốn tốt có trụ sở tại châu Á - họ cũng là những bên sẽ nhận được đơn đặt hàng có giá trị cao hơn từ những nhà mua bán có quy mô lớn hơn. Trong trường hợp các quan hệ đối tác chiến lược giữa bên mua và nhà cung cấp mang đặc điểm tuân thủ cao các tiêu chuẩn lao động, sự thống nhất này có thể hoặc nhiều khả năng mang tới một sản phẩm phái sinh - đó là việc làm

thoả đáng. Tuy nhiên, việc điều này sẽ biến đổi các điều kiện làm việc ở mức độ và tốc độ nào vẫn còn chưa rõ ràng (Judd và Jackson, 2021).

Mức độ cải thiện về điều kiện làm việc trong ngành dệt may, đặc biệt là tại doanh nghiệp nằm ngoài nhóm các nhà cung cấp lớn, sẽ phụ thuộc phần lớn vào sự hiện diện của các tổ chức công đoàn độc lập có khả năng thương lượng hiệu quả để cải thiện mức lương và điều kiện làm việc. Một hàm ý khác của sự thống nhất này cũng có thể là nhu cầu sử dụng số lượng lớn lao động ở một số mức sản xuất nhất định sẽ giảm. Điều đó lại dẫn tới khả năng nhóm lao động có sẵn cho phần còn lại của thị trường may mặc - nhìn chung, có giá trị thấp hơn và (do đó) mức lương thấp hơn - sẽ tăng lên. Sự gia tăng áp lực cạnh tranh lên các nhà cung ứng nhỏ hơn và không chuyên này, cũng như những lao động đang làm việc tại đây, sẽ cản trở quá trình triển khai các mục tiêu về việc làm thoả đáng và các mục tiêu xã hội và môi trường khác trong ngành dệt may toàn cầu (Judd và Jackson 2021).

Quá trình tự động hoá và các công nghệ mới vẫn tiềm ẩn nguy cơ với một số lao động

Giá trị xuất khẩu hàng may mặc toàn cầu đã tăng lên theo thời gian trước khi xảy ra đại dịch (xem hình 1), bao gồm cả những mặt hàng xuất khẩu có xuất xứ từ châu Á. Nhiều nước cũng đã chứng kiến sự gia tăng về giá trị gia tăng thực của họ. Đồng thời, ngành công nghiệp dệt may tiếp tục chứng kiến sự gia tăng liên tục mức độ việc làm ở nhiều nước trong khu vực (ILO 2020a). Tuy nhiên, một số nước có tốc độ gia tăng việc làm tương đối chậm hơn so với tốc độ gia tăng về giá trị gia tăng thực, đồng nghĩa với việc tăng năng xuất lao động (hình 5).

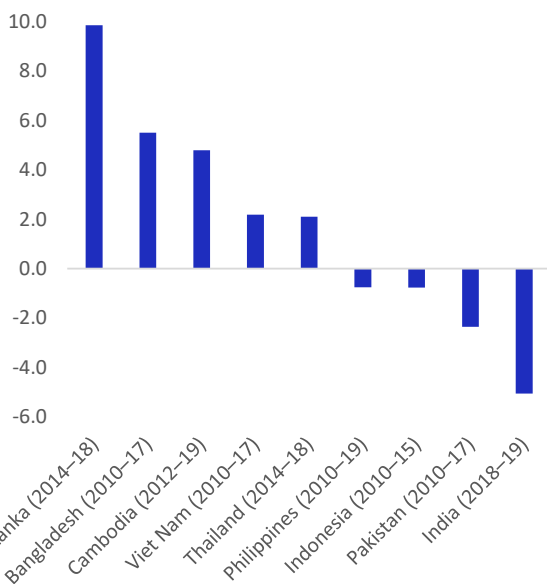
Việc áp dụng các công nghệ mới có thể đã phần nào thúc đẩy tăng năng suất. Do cùng lúc có nhiều yếu tố tác động, rất khó để đánh giá vai trò chính xác của tự động hóa và các tiến bộ công nghệ khác trong lĩnh vực này lên việc làm cho tới thời điểm này. Hiện tượng tăng năng suất cũng có thể được thúc đẩy bởi hiệu ứng tái phân bổ diễn ra ở các nền kinh tế hậu suy thoái khác, nơi diễn ra hiện tượng các nguồn lực dịch chuyển sang các phân khúc năng suất hơn trong ngành, do đó làm tăng năng suất chung của ngành (Foster, Grim và Haltiwanger 2014); hoặc bởi sự khởi đầu hiệu ứng suy giảm

12 Để biết thêm thông tin về Lời kêu gọi Hành động Toàn cầu, bao gồm cả công tác triển khai ở Campuchia, Myanmar và Việt Nam, xem https://www.ilo.org/global/topics/coronavirus/sectoral/WCMS_742343/lang-en/index.htm

sản xuất (hollowing-out) trầm trọng của quá trình mở rộng “độ phủ sóng robot” (IMF 2018). Bất chấp tốc độ áp dụng tự động hóa chậm trong tương lai gần, những quỹ đạo này có thể trở thành thách thức đối với người lao động và các nhà hoạch định chính sách trong tương lai ở các quốc gia đã dựa vào ngành sản xuất dệt may như là đầu tàu tăng trưởng việc làm trong nhiều thập kỷ.

Sự phát triển chóng mặt trong lĩnh vực số hóa và thương mại điện tử, nông nghiệp tái tạo và các thành phần khác của thời trang xoay vòng được cho là có tác động lớn hơn tới người lao động ở đầu và cuối chuỗi sản xuất hàng dệt may và da giày. Ví dụ, chức năng của nhân viên các nhãn hàng toàn cầu có thể được các nhà cung cấp đảm nhận khi quy trình thiết kế nội bộ và sản xuất được rút ngắn thông qua số hóa, trong khi công việc của nhân viên bán lẻ có thể được tái tạo và tái phân bổ cho nhân viên vốn phụ trách các quy trình sửa chữa, bán lại, thương mại điện tử và kho hàng (Judd và Jackson 2021).

► Hình 5. Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm của tổng giá trị gia tăng thực trên mỗi lao động (%)



Chú thích: Các tính toán dựa trên dữ liệu từ Các điều tra về lực lượng lao động, Văn phòng Thống kê Quốc gia và Cơ sở dữ liệu Đầu vào - đầu ra của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Nguồn: tài liệu sắp xuất bản của El Achkar Hilal.

Số hóa cũng có khả năng ảnh hưởng tới cách thức mà các nhãn hàng và nhà bán lẻ giám sát sự tuân thủ trong chuỗi cung ứng của họ. Trong khi công nghệ có tiềm năng hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc giám sát các rủi ro lao động, thì việc chuyển đổi cố định sang các nền tảng trực tuyến mới đi kèm với các chương trình tuân thủ nhiều khả năng kém tin

cậy hơn có thể làm suy giảm khả năng giám sát điều kiện lao động và quyền của người lao động trong chuỗi cung ứng.

Đồng thời, việc mở rộng kiến thức về kỹ thuật số và sự thâm nhập của điện thoại thông minh trên khắp nền kinh tế châu Á mới nổi đang làm thay đổi phong thông tin cho các công nhân dệt may, tạo ra nhiều cơ hội mới để ủng hộ và cùng nhau hành động nhằm giải quyết những thiếu hụt về quyền và điều kiện làm việc trong chuỗi cung ứng.

Lao động nữ vẫn là đối tượng chịu phân biệt đối xử

Đại dịch đang tác động không cân xứng tới các lao động nữ và làm trầm trọng thêm những bất bình đẳng liên quan tới công việc chăm sóc không lương, chênh lệch tiền lương, phân biệt đối xử và bạo lực giới. Nhiều lao động nữ nhận thấy họ phải gánh khối lượng công việc nhiều hơn nam giới do phải đảm đương công việc gia đình và chăm sóc người phụ thuộc (CARE 2020b; ILO 2020c). Nhật ký Công nhân May mặc (Garment Worker Diaries) (2020), một tổ chức về quyền của người lao động, nhận thấy rằng những phụ nữ quay trở lại làm việc ở Bangladesh vào 2020 kiếm được mức lương trung bình là 9.200 taka Bangladesh (109 USD), so với mức 10.000 taka (118 USD) cho nam giới. Công đoàn đã báo cáo về tình trạng cắt hợp đồng mang tính phân biệt đối xử đối với các lao động nữ đang mang thai và không trả trợ cấp thai sản (Poltizer 2020). Và tình trạng bạo lực nói chung đối với phụ nữ, đặc biệt là bạo hành gia đình, đã gia tăng trong thời gian đại dịch (UN Women 2020).

Tương tự, các biện pháp ứng phó với đại dịch đã và đang không mang tính đáp ứng giới, gây ra những lo ngại về nguy cơ làm trầm trọng thêm các bất bình đẳng tồn tại từ trước đại dịch COVID-19 và làm suy giảm sự tiến bộ (hạn chế) đã đạt được trước đó trong tiến trình bình đẳng giới (ILO 2021). Nhìn chung, đối thoại xã hội hầu như không hiện diện trong các biện pháp ứng phó với COVID-19, khi nhiều chính phủ và các hiệp hội của doanh nghiệp sử dụng lao động đã hành động đơn phương mà không tham vấn ý kiến của các đại diện người lao động (Jackson, Burger và Judd 2021). Ngay cả khi đối thoại diễn ra, các tổ chức về quyền của người lao động nhận thấy vẫn thiếu sự có mặt và tham gia của phụ nữ. Một cuộc khảo sát quốc tế vào tháng 6 năm 2020 về các biện pháp trong chính sách ứng phó với COVID-19 của 20 nước cho thấy phần lớn các ủy ban cấp quốc gia được thành lập để ứng phó với đại dịch không có số lượng đại diện nam-nữ bình đẳng (CARE 2020a).

Những bất bình đẳng đối với các lao động nữ và sự chênh lệch về đại diện tham gia vào chính sách ứng phó với COVID-19 (bên cạnh những khoảng cách tồn tại trước đó trong lĩnh vực lãnh đạo và quản lý ở các tổ chức công đoàn, các nhà máy và các tổ chức khác) càng trầm trọng thêm do sự thay đổi cấu trúc ngành đang diễn ra có thể làm gia tăng tính dễ tổn thương của họ. Khi quan sát quá trình đẩy mạnh thống nhất, nâng cấp công nghệ và các hình thức tái cơ cấu khác, ILO (2020c) cho rằng “số lượng và mức độ cơ hội mà lĩnh vực này mang lại có thể không còn được như trước đây nữa”.

Nhiều quốc gia vẫn dựa vào lĩnh vực dệt may để tạo ra việc làm được trả lương chính thức cho hàng triệu phụ nữ. Nhưng tình trạng giảm nhu cầu thuê lao động có thể khiến chính những lao động này rơi vào cảnh phải chọn những công việc phi chính thức và ít được đảm bảo hơn, cả trong lẫn ngoài ngành dệt may. Gánh nặng bấp bênh do đó sẽ chuyển sang người lao động và đẩy lùi sự tiến bộ về việc làm thoả đáng đã đạt được. Đây là điều đáng lo ngại, bởi phụ nữ phải chấp nhận làm những công việc phi chính thức nhiều hơn nam

giới ở gần 75% các nước Mỹ Latinh, 89% các nước Nam Á và hơn 90% các nước châu Phi Hạ Sahara (ILO 2020c). Số liệu mới nhất về các nước Đông Nam Á cho thấy ở hầu hết các quốc gia này, tỷ lệ nữ giới phải làm những công việc phi chính thức cao hơn hẳn so với nam giới.¹³

Trong bối cảnh đáng lo ngại này, Công ước về Chấm dứt Bạo lực và Quấy rối của ILO năm 2019 (Số 190) đưa ra lý do để lạc quan. Ngay cả khi quá trình phê chuẩn ở châu Á diễn ra còn chậm, Công ước vẫn có khả năng thay đổi cuộc chơi về bình đẳng giới trong ngành dệt may. Khi việc ngăn chặn và giải quyết bạo hành và quấy rối trên cơ sở giới trở thành vấn đề trọng tâm, sức ép phải thiết lập các hệ thống quản lý phù hợp, bao gồm cơ chế khiếu nại, sẽ gia tăng để giải quyết vấn nạn bạo hành và quấy rối tại nơi làm việc. Do đó, những người ủng hộ người lao động lập luận rằng, các lao động nữ sẽ có nhiều cơ hội xây dựng những môi trường làm việc không còn lo ngại hay sợ hãi, nơi mà sự tự do hiệp hội và thương lượng tập thể có thể phát triển mạnh mẽ (Judd và Jackson 2021).

► Những xu hướng quản trị lao động mới nổi trong ngành dệt may

Cuộc khủng hoảng sẽ thay đổi cách thức các chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu tổ chức và quản lý để thúc đẩy việc làm thoả đáng và tính bền vững như thế nào? Thừa nhận rằng công tác quản lý công hiệu quả về lao động ở các nước sản xuất hàng may mặc tại châu Á thường yếu kém, cả về quy chuẩn và năng lực thực thi, các mô hình quản trị lao động được đề cập tại đây chú trọng vào những xu hướng mới nổi trong thời kỳ đại dịch liên quan đến quy định riêng của công ty và các cơ chế đa phương như chính sách thương mại và các quy trình thẩm định bắt buộc.

Có thể sau đại dịch sẽ phải suy tính lại về quy định riêng của công ty

Quy định riêng của công ty đã và đang đóng vai trò nền tảng trong công tác quản trị lao động của ngành dệt may toàn cầu kể từ đầu những năm 1990. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp do các nhãn hàng dẫn đầu, dựa vào việc giám sát tuân thủ và kiểm toán xã hội riêng, thường được tăng cường để giám sát tình hình vi phạm quyền lao động ở những nơi sản xuất hàng may mặc có cơ chế quản trị cộng yếu kém (Amengual và cộng sự 2019; Locke 2013). Giám sát tuân thủ lao động riêng của công ty vẫn là một phương thức thực hiện

quan trọng trong bối cảnh khuôn khổ quốc tế như Tuyên bố Ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến các Doanh nghiệp Đa quốc gia và Chính sách Xã hội, Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền con người và Hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia (ngay cả khi các công cụ này đã đề ra vai trò và trách nhiệm cho các chính phủ và quy định công). Tuy nhiên mức độ hiệu quả của mô hình này ngày càng đặt ra nhiều câu hỏi.

Judd và Jackson (2021) nhận thấy rằng ít có sự đồng thuận giữa các chủ thể trong ngành về dạng thức của một hệ thống quản trị lao động sau đại dịch. Nhưng họ đều thống nhất ở một điểm là: chế độ tự khắc phục dựa trên kiểm toán tự nguyện thường đóng vai trò chi phối, vì nhiều lý do khác nhau, hầu như không phù hợp với đa phần bên mua, nhà cung ứng hay người lao động.

Một nghiên cứu mới đây tổng hợp các kết quả toàn cầu về quy định riêng của công ty trong ngành dệt may cho thấy tình hình rất ít hay thậm chí không có sự cải thiện đối với người lao động (Kuruvilla 2021). Đã có ghi nhận rằng những quy định tự đặt ra trong ngành làm suy yếu tính logic vốn dĩ của ngành ở chỗ: thứ nhất, những quy định riêng đó được đặt ra nhằm đạt được những kết quả vượt trội hơn so với quy định công, thứ hai, quy định riêng này không thể áp dụng

13 Dựa trên cơ sở dữ liệu của ILOSTAT, truy cập ngày 2/7/2021.

trong những tình huống đòi hỏi tỷ lệ tham gia và mức độ tuân thủ cao, theo đó mức độ linh động về hành động hay thời gian bị giới hạn hay khi nhận thấy mức rủi ro nghiêm trọng về xã hội hay môi trường (McCarthy và Morling 2015). Mặc dù không có ý bảo vệ vai trò của quy định riêng của công ty, nhiều nhân hàng cũng đã cho thấy có một vài thành công như sáng kiến Dự án Hội tụ Xã hội và Lao động với mục tiêu thống nhất chế độ kiểm toán trong ngành.¹⁴ Dù việc tổng hợp các bộ quy tắc ứng xử của các nhân hàng thành một công cụ kiểm toán chung nhất có thể sẽ mang lại nhiều lợi ích, điều này vẫn cho thấy cam kết hướng đến một cách tiếp cận quản trị lao động của chuỗi cung ứng toàn cầu toàn diện hơn, được xây dựng trên nền tảng cùng khắc phục và xây dựng năng lực, vẫn còn hạn chế.

Chiến dịch Quần áo Sạch đã ghi nhận tiến bộ đạt được trong năm 2020 với việc các nhân hàng thông qua các tiêu chuẩn báo cáo tự nguyện và tối thiểu và hy vọng có thể hướng tới đạt được những tiêu chuẩn báo cáo công khai nghiêm ngặt hơn theo quy định tại Chỉ thị Báo cáo Phi tài chính của Liên minh Châu Âu có hiệu lực kể từ năm 2018 (CCC 2020b). Tuy vậy, chế độ tự báo cáo của ngành về các chủ đề nhạy cảm, chẳng hạn như tiền lương của người lao động, có xu hướng tập trung vào khía cạnh tuân thủ xã hội và những nỗ lực liên quan nhằm giảm thiểu tác động bất lợi đối với cuộc sống của người lao động thay vì ảnh hưởng của những nỗ lực đó (PLWF 2019). Xét đến những thiếu sót trong hệ thống theo dõi và báo cáo hiện nay (Kuruvilla 2021; Wicker 2020), câu hỏi đặt ra là cách thức những dữ liệu này sẽ được thu thập, phân tích và phổ biến như thế nào trong tương lai đóng vai trò quan trọng để thúc đẩy các cuộc thảo luận tiếp theo.

Vướng mắc khi thực hiện phân tích toàn diện về tác động của quy định riêng của công ty là khoảng trống lớn về dữ liệu của số đông bên mua và nhà cung ứng, là những đối tượng không liên quan tới bất kỳ quy định tự nguyện thực chất nào và đa phần không bị tác động bởi các chiến dịch của ngành dệt may (Kuruvilla 2021). Việc thu thập dữ liệu về điều kiện làm việc cơ bản cũng dần trở thành thường quy và nhìn chung, đang dần được cải thiện. Kể từ năm 2015, đã có xu hướng thống nhất các bộ quy tắc ứng xử mang tính tự nguyện và các công cụ kiểm toán về lao động và môi trường, chẳng hạn như Chỉ số Higg, Công cụ Đánh giá Tuân thủ Better Work¹⁵ và các tiêu chuẩn của Dự án Hội tụ Xã hội và Lao động về thực hành lao động.

Các công nghệ mới nổi trong tương lai có thể hỗ trợ cho các cơ chế giám sát hợp nhất, chẳng hạn như sáng kiến truy xuất nguồn gốc dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain), giám định sợi bông để xác định nguồn gốc và công tác truy xuất nguyên liệu đầu vào cải thiện (Friedman 2017) hay khảo

sát người lao động qua ứng dụng trên điện thoại. Các nhà hoạt động về lao động cho rằng người lao động nói chung không viện đến các ứng dụng và các công cụ quản lý từ xa để giải quyết những vấn đề liên quan đến nơi làm việc. Thay vào đó, họ yêu cầu người lao động phải được đảm nhận vai trò trực tiếp và dẫn dắt trong giám sát và báo cáo về quyền và điều kiện làm việc tại các cơ sở dệt may (Judd và Jackson 2021).

Có thể sẽ có nhiều cơ hội mới để tận dụng thông tin thu nhập được trong quá trình nhà máy tự giám sát. Qua phân tích dữ liệu về tuân thủ lao động của các nhà xưởng dệt may cho thấy các biện pháp tuân thủ lao động có tính chất dự báo nhiều hơn là các biện pháp kiểm toán điều kiện làm việc (như dữ liệu về tiền lương, thời giờ làm việc và điều kiện làm việc) (Kuruvilla 2021). Mô hình dự báo mức độ tuân thủ của nhà máy có thể tái định hướng hay thay thế phần lớn các cuộc kiểm toán không đáng tin cậy bằng các dữ liệu cứng để kiểm chứng hơn về đặc điểm của nhà máy như quy mô doanh nghiệp, thành phần lực lượng lao động, tỷ lệ luân chuyển lao động và tính chất địa lý.

Kết quả tất yếu khi nhận thấy dữ liệu không đáng tin cậy và không đồng nhất về thực hành lao động ở cấp phân xưởng là những dữ liệu này cần thiết phải được củng cố bằng các biện pháp thực hành lao động cứng rắn và đủ tin cậy, làm nền tảng giúp người mua đưa ra quyết định tìm nguồn cung ứng ở cấp vĩ mô.

Ngoài dữ liệu và các phân tích tốt hơn, một cơ chế quản trị chuỗi cung ứng hiệu quả phụ thuộc lớn vào công tác quản trị công vững chắc về các tiêu chuẩn lao động tại các nước sản xuất hàng may mặc. Điều này bao gồm cơ chế thanh tra lao động hiệu quả và đáng tin cậy, sự phù hợp nhất quán giữa các tiêu chuẩn lao động quốc gia và quốc tế và một hệ thống thực thi mạnh mẽ, tất cả những nhân tố này đều đòi hỏi phải được củng cố đáng kể ở nhiều quốc gia xuất khẩu hàng dệt may. Đặc biệt là, nếu không thể kỳ vọng các tiêu chuẩn sẽ được thực thi thì các chương trình tuân thủ trên mọi khía cạnh, bất kể là hình thức nào, mục đích gì hay mức độ phức tạp ra sao, vẫn sẽ không hiệu quả, như Lollo và O'Rourke (2020a, 2020b) ví như “leo lên cần khi không ăn kiêng”.

Cuối cùng, như đã đề cập trong phần chiến lược tìm nguồn cung ứng, hạn chế lớn nhất trong quy định riêng của công ty là tính chất của nó không phù hợp với các chiến lược tìm nguồn cung ứng và bền vững của các nhân hàng. Khi vấn đề bền vững không được đưa vào các quyết định kinh doanh cốt lõi của các nhân hàng, bao gồm cả trong các chiến lược tìm nguồn cung ứng, thì việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp sẽ gặp nhiều trở ngại.

14 Dự án Hội tụ Xã hội và Lao động là một sáng kiến đa bên đặt ra một Khung Đánh giá Thống nhất, là công cụ kiểm toán chung cho phép các nhà sản xuất sử dụng các phép đo được tiêu chuẩn hóa.

15 Chỉ số Higg do Liên minh May mặc Bền vững xây dựng là một bộ công cụ gồm các thước đo tiêu chuẩn hóa về tính bền vững của chuỗi giá trị. Chương trình Better Work là quan hệ đối tác giữa ILO và Tổ chức Tài chính Quốc tế nhằm cải thiện điều kiện làm việc trong ngành dệt may toàn cầu. Chương trình này theo dõi việc tuân thủ các tiêu chuẩn lao động quốc tế và luật pháp quốc gia bằng một bộ công cụ đánh giá tuân thủ, có thể truy cập tại [đây](#)

Những nỗ lực pháp chế nhằm điều tiết chuỗi cung ứng toàn cầu được tăng cường

Kể từ sau thảm họa Rana Plaza ở Bangladesh năm 2013, phong trào áp dụng các tiêu chuẩn bắt buộc đã được thúc đẩy. Công tác quản trị chuỗi cung ứng công đã có nhiều tiến bộ khi quy định chế độ báo cáo trên phạm vi rộng, như Đạo luật Minh bạch trong Chuỗi cung ứng của California và Đạo luật về Nô lệ Hiện đại của Vương quốc Anh năm 2015, đến những yêu cầu về thẩm định như Loi de Vigilance của Pháp năm 2017 và các biện pháp xử phạt hành vi cưỡng bức lao động có chủ ý mà Chính phủ Hoa Kỳ áp dụng với Trung Quốc năm 2020.¹⁶ Mới đây nhất, Nghị viện Đức đã thông qua luật thẩm định bắt buộc trong các chuỗi cung ứng toàn cầu đối với các doanh nghiệp Đức.

Sự thay đổi hướng tới việc thẩm định bắt buộc về quyền con người, các yêu cầu báo cáo công khai và thực chất và trách nhiệm pháp lý của bên mua đối với những thương tật của người lao động trong chuỗi cung ứng này đã nhận được sự ủng hộ từ một liên minh mà đa phần là các quỹ đầu tư của châu Âu và Hoa Kỳ với giá trị lên đến 4,2 nghìn tỷ đô la Mỹ vào tháng 4 năm 2020 (Investor Alliance, 2020). Ngày càng có nhiều các doanh nghiệp Anh và châu Âu, mà đứng đầu là các công ty thực phẩm và nông nghiệp nhưng chỉ có một số ít bên mua hàng dệt may, đã thông qua các nguyên tắc thẩm định bắt buộc về quyền con người (BHRRC 2021; Smit và cộng sự, 2020).

Đại dịch năm 2020 khiến các nhà hoạch định chính sách trên toàn thế giới phải tái định hướng những ưu tiên của họ vào khôi phục kinh tế. Ở các nước sản xuất hàng may mặc, các chính sách lao động để ứng phó với đại dịch COVID-19 thường chỉ chú trọng vào vấn đề cứu trợ cho người sử dụng lao động và người lao động (ILO 2020a). Việc ngành bị thu hẹp trong năm 2020 và việc điều chỉnh các mô hình tìm nguồn cung ứng dệt may như đã đề cập ở phần trên của báo cáo đồng nghĩa với việc các chính phủ, nếu không có những áp lực mới, sẽ không có động lực và nhìn nhận sự cấp thiết phải nỗ lực hơn để giải quyết tình trạng thâm hụt việc làm thỏa đáng trong ngành này. Thêm vào đó, trong năm 2020, một số quốc gia sản xuất hàng dệt may châu Á đã bị cáo buộc sử dụng khủng hoảng kinh tế để xiết chặt những hạn chế về quyền lao động và trì hoãn việc thương lượng về tiền lương (AFWA 2020). Nhưng đề xuất của Liên minh châu Âu (EU) về thẩm định bắt buộc về quyền con người đối với các doanh nghiệp EU thuê gia công trên toàn cầu đã tạo nên một động lực mới. Tháng 3 năm 2021, Nghị viện châu Âu đã thông qua

một nghị quyết đưa ra các khuyến nghị đối với Ủy ban châu Âu về một chỉ thị sắp ban hành về trách nhiệm giải trình và thẩm định của doanh nghiệp. Ủy ban châu Âu cam kết sẽ công bố đề xuất về chỉ thị này trong quý II năm 2021.

Ước tính chi phí mà các doanh nghiệp châu Âu lớn phải chi trả để tuân thủ yêu cầu thẩm định bắt buộc trong toàn chuỗi cung ứng của họ là 0,005% doanh thu hàng năm. Tỷ lệ này cao hơn đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng vẫn chỉ chiếm khoảng 0,07% doanh thu hàng năm (Smit và cộng sự, 2020). Tác động tiềm tàng của pháp luật thẩm định bắt buộc về quyền con người trong EU có thể bị hạn chế nếu lĩnh vực thực thi của EU vẫn chấp nhận những hình thức kiểm toán tư nhân trên phương diện đáp ứng nghĩa vụ chăm sóc của một công ty thay vì quy định phải thực hiện các biện pháp xác minh độc lập (Bengtson 2020a, 2020b). Thách thức về xác minh và báo cáo có thể sẽ nổi cộm hơn ở các doanh nghiệp nhỏ hơn trong chuỗi cung ứng (Curley 2020).

Những thỏa thuận khung quốc tế tương đối mới trước đại dịch đã thể hiện vai trò là một hình thức đối thoại xã hội xuyên biên giới quan trọng giữa các nhãn hàng và các liên đoàn công đoàn quốc tế trong lĩnh vực dệt may (ILO 2019d). Tương tự như vậy là cơ chế đối tác khác, sáng kiến Hành động, Hợp tác, Chuyển đổi (ACT) được khởi động năm 2015, quy tụ 20 nhãn hàng và nhà bán lẻ toàn cầu và công đoàn toàn cầu IndustriALL với trọng tâm là mức lương đủ sống thông qua thương lượng tập thể ở cấp ngành và có liên hệ tới những thực hành mua sắm.

Năm 2020, lãnh đạo các tổ chức về quyền của người lao động và quyền lao động được Judd và Jackson (2021) phỏng vấn đã thể hiện sự ủng hộ đối với việc thương lượng theo ngành và thỏa thuận ràng buộc theo hình thức Hiệp định Bangladesh, buộc bên mua phải trang trải tỷ lệ chi phí lớn hơn liên quan đến việc làm thỏa đáng và rủi ro trong toàn bộ chuỗi cung ứng của họ (CCC 2020a). Những đề xuất khác nhau về quỹ thôi việc bao gồm cả trợ cấp thôi việc và phúc lợi an sinh xã hội, ban đầu do các nhóm xã hội dân sự và công đoàn toàn cầu vận động, đã nhận được sự ủng hộ của một số nhãn hàng, nhà sản xuất và các chính phủ nước sản xuất (CCC 2020a; Judd và Kuruvilla, sắp xuất bản).¹⁷ Sự ủng hộ của bên mua đối với một thỏa thuận mang tính ràng buộc sẽ đánh dấu sự khởi đầu của một hình thức đối tác khác trong lĩnh vực thời trang: có hiệu lực về pháp lý, xuyên quốc gia và trực tiếp tới người lao động theo cách công nhận sự ràng buộc giữa bên mua toàn cầu và người lao động làm ra sản phẩm.

16 Tham khảo danh mục những sáng kiến thẩm định của chính phủ hiện hành tại Investor Alliance, 2020. Tham khảo các biện pháp xử phạt của Hoa Kỳ tại Glover, 2020.

17 Trung tâm Quyền của Người lao động Toàn cầu bang Penn ước tính mức tổn thất tiền lương của người lao động do bị hủy hợp đồng ít nhất là 1,6 tỷ đô la Mỹ (Anner và cộng sự, 2020).

Các điều khoản lao động trong các hiệp định thương mại ngày càng quan trọng hơn

Chính sách thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quyền của người lao động và việc làm thỏa đáng trong hai thập kỷ qua. Những thay đổi gần đây trong chính sách thương mại của Hoa Kỳ và của châu Âu, ở mức độ thấp hơn, có thể khiến các điều khoản lao động trong các hiệp định thương mại có vai trò lớn hơn.

Ở Hoa Kỳ, những điều khoản này bao gồm sửa đổi điều khoản về lao động cưỡng bức trong Đạo luật Thuế quan năm 2016, việc áp dụng thuế trở lại (phần 301) như một công cụ thương mại chủ chốt, các tiêu chuẩn và cơ chế thực thi mới trong hiệp định thương mại giữa Hoa Kỳ - Mexico - Canada năm 2020, hành động thương mại năm 2020 đối với bông vải và hàng may mặc của Trung Quốc và việc mở rộng các cơ sở cung ứng của ngành sang các đối tác thương mại ít quyền lực hơn (Judd và Jackson 2021).¹⁸

Tại EU, những lợi ích về chính sách lao động toàn cầu và thương mại đã được thống nhất với việc thu hồi những ưu đãi thương mại cho Mọi thứ trừ Vũ khí của Campuchia khi quyền con người liên tục bị vi phạm và tận dụng những thay đổi trong khuôn khổ pháp luật của Việt Nam, trong đó có cả việc năm 2019 Việt Nam đã phê chuẩn Công ước của ILO về

Quyền được Tổ chức và Thương lượng Tập thể, năm 1949 (Số 98) thông qua một hiệp định thương mại tự do mới (Ủy ban châu Âu 2020).

Các công cụ chính sách thương mại để cải thiện các khuôn khổ và thực thi pháp luật lao động tại các nước sản xuất hàng dệt may có thể thay đổi ở cả EU và Hoa Kỳ. Ví dụ như, có thể sẽ có sự chuyển đổi từ các cơ chế áp thuế đơn phương như Hệ thống Ưu đãi Thuế quan Phổ cập, thành các hiệp định thương mại tự do có phạm vi rộng hơn vì các hiệp định cho phép mức độ linh động cao hơn do có thời hạn gần như vĩnh viễn và không cần xét đến các điều kiện đáp ứng. Một chính sách thương mại sau đại dịch của Hoa Kỳ khác với mô hình đã áp dụng trong quá khứ có thể cho phép các bên tham gia hiệp định tự xác định những tiêu chuẩn có thể đáp ứng được, theo đó vấn đề tuân thủ lao động cần tính đến khả năng tiếp cận thị trường (Polaski và cộng sự, 2020). Vấn đề này đã được hoàn tất trong ngành dệt may và các lĩnh vực khác khi có mối đe dọa hiện hữu về các biện pháp trừng phạt thương mại hay những đề nghị khen thưởng điều chỉnh cho các trường hợp khác nhau khiến các chính phủ thắt chặt các khung pháp lý và cơ chế thực thi cũng như những cải thiện có thể đo lường được trong thực hành lao động.

Là một cấu phần trong kiến trúc thương mại hỗ trợ các hiệp định nêu trên, các công đoàn và các tổ chức về quyền lao động đã và đang ủng hộ mạnh mẽ những điều khoản lao động trong các hiệp định thương mại giữa các chính phủ sở tại của bên mua và bên cung ứng.¹⁹

► Những kịch bản tương lai của ngành dệt may

Bằng cách vẽ biểu đồ quỹ đạo của ngành dệt may trước đại dịch – cấu trúc, mô hình thuê gia công và quản trị lao động – và đặt ra những thay đổi có thể có trong định hướng, Judd và Jackson (2021) đã xây dựng được ba kịch bản về tương lai của ngành dệt may của châu Á và toàn cầu sau đại dịch. Bản tóm tắt nghiên cứu này phác thảo một số chi tiết của mỗi kịch bản như sau (xem bảng dưới đây).

Xét đến tính đa dạng của doanh nghiệp, loại hình sản phẩm và các quy định khác nhau, những kịch bản này nhất thiết phải có phạm vi rộng. Đây là phép hoán đổi của những yếu tố quan trọng nhất và các biến số đã được mô tả trong những phần trước: mức độ cứng cố, tự động hóa, thương mại điện tử, thói quen tiêu dùng, mô hình thuê gia công, mức độ linh hoạt trong cung ứng, near-shoring và tác động của biến đổi khí hậu. Một số yếu tố được coi là cơ bản cố định trong bất cứ kịch bản nào. Thứ nhất, duy trì mức độ tập trung của ngành

và những người tiên phong trong thương mại điện tử sẽ đóng vai trò quan trọng trong tương lai. Thứ hai, doanh số bán trực tuyến sẽ tăng, dù chậm, và đẩy nhanh sự gián đoạn của các mô hình bán lẻ truyền thống. Thứ ba, tác động của khí hậu sẽ thay đổi khu vực địa lý và hình thức sản xuất hàng dệt may tại châu Á.

Mỗi kịch bản thay đổi kích thước của các yếu tố liên quan và phác thảo đặc điểm của ngành trong công cuộc phục hồi sau đại dịch, cùng với những quan điểm đánh giá về tác động của những yếu tố này tới cả nhà cung ứng và người lao động tại châu Á. Kịch bản cấp cao đầu tiên có thể được gọi là lặp lại: một sự lặp lại của mô hình cấu trúc ngành, thuê gia công và quản trị trước đại dịch, kèm theo tất cả những điểm yếu liên quan đến việc làm thỏa đáng và tính bền vững của ngành ở phạm vi rộng hơn. Kịch bản thứ hai là khôi phục lại, theo đó, những thay đổi đối với cấu trúc ngành và thói quen thuê gia

18 Xem các điều khoản sửa đổi Đạo luật Thuế quan của Hoa Kỳ năm 1930 tại Reed, 2016. Tham khảo ví dụ về các điều khoản lao động trong các hiệp định thương mại tại ILO 2019.

19 Ví dụ như hiệp định dệt may giữa Hoa Kỳ và Campuchia (Kolben 2004), đàm phán Quan hệ Đối tác Xuyên Thái Bình Dương tại Việt Nam (Evans 2020) và quá trình “thẻ vàng” đánh bắt cá giữa EU và Thái Lan (ILO 2020b).

công sẽ được thúc đẩy nhưng thay đổi trong quản trị (do bên ngoài tác động) đa phần chỉ đơn thuần là đáp ứng tối thiểu. Kịch bản cuối cùng, thương lượng lại, hình dung một ngành công nghiệp mà ở đó những thay đổi về cấu trúc, thuê gia công và quản trị được tích hợp và thúc đẩy lẫn nhau. Đây là

kịch bản tham vọng nhất và được đặt nhiều hy vọng nhất trong số ba kịch bản. Kịch bản này đã tích hợp những thay đổi trong cấu trúc, thuê gia công và quản trị được kỳ vọng nhất và có tính chất lâu bền nhất và những điều kiện thuận lợi nhất để gia tăng việc làm thỏa đáng.

► **Bảng. Những kịch bản tương lai của ngành dệt may**

	Lặp lại	Khôi phục lại	Thương lượng lại
Những xu hướng chính	<ul style="list-style-type: none"> • Kịch bản mặc định khi không có những nỗ lực cải cách mang tính mục tiêu. • Tiếp tục duy trì những xu hướng ngành dài hạn trước đó (trước thời kỳ COVID-19). 	<ul style="list-style-type: none"> • Mô phỏng phiên bản mà ở đó các xu hướng trước đại dịch COVID-19 được đẩy mạnh, ngành phân hóa mạnh mẽ hơn trong kịch bản <i>lặp lại</i>. • Nhiều nhà cung ứng đổi mới và tích hợp có thể nâng cấp công nghệ, tăng năng suất và duy trì điều kiện làm việc tốt, trong khi đó một bộ phận lớn nhà cung ứng không có quan hệ chặt chẽ với các chủ thể đứng đầu chuỗi cung ứng và tiếp tục đi theo kịch bản lặp lại. 	<ul style="list-style-type: none"> • Những cải cách có chủ đích mang lại thay đổi rõ rệt trong quan hệ trong ngành, bao gồm cả trong khía cạnh thuê gia công và quản trị. • Quan hệ đối tác trong ngành sâu rộng hơn và cùng phối hợp để giải quyết những thách thức chung. • Một sự chuyển dịch đúng đắn hướng tới đảm bảo bền vững về môi trường và xã hội, được xây dựng trên cơ sở đối thoại xã hội, được tích cực lồng ghép vào các hoạt động của ngành.
Quan hệ bên mua – bên cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> • Mức độ tập trung giữa nhãn hàng và nhà cung ứng và mức độ củng cố chuỗi cung ứng tiếp tục được duy trì. • Mô hình thuê gia công tiếp tục chuyển dịch sang các trung tâm sản xuất tiền lương thấp, chi phí thấp ở châu Á và châu Phi. 	<ul style="list-style-type: none"> • Các bên liên quan (người tiêu dùng, nhà đầu tư, các nhà cung ứng chính công đoàn, người vận động và các cơ quan quản lý) đưa ra tín hiệu rằng việc quay trở lại những thông lệ trước đại dịch đã bị kìm hãm. • Các nhãn hàng chính và người bán lẻ triển khai cải cách cơ cấu để thúc đẩy tính hiệu quả của quy trình thay vì những điều chỉnh nhỏ lẻ trong vận hành. 	<ul style="list-style-type: none"> • Những điều khoản hợp đồng mới giữa bên mua – bên cung ứng giải quyết vấn đề dễ bị tổn thương trong quan hệ chuỗi cung ứng (bộc lộ rõ trước những biện pháp ứng phó COVID-19) và lưu tâm đến nhu cầu của người lao động và công đoàn về quyền lao động, tiền lương và điều kiện làm việc. • Việc tổ chức giữa các hiệp hội sản xuất hàng dệt may bắt đầu hình thành, do vậy những giao dịch dành cho các nhà sản xuất lớn nhất có thể đến được với các nhà cung ứng nhỏ hơn.

	Lặp lại	Khôi phục lại	Thương lượng lại
Mô hình kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Tốc độ thay đổi nội bộ chậm, trừ mảng bán hàng trực tuyến vẫn sẽ tiếp tục phát triển. Thời trang giá rẻ tiếp tục chiếm ưu thế; áp lực cắt ngắn chu kỳ sẽ chủ yếu đổ lên vai nhà cung ứng và người lao động, mối quan hệ giữa bên mua – bên cung ứng của hầu hết các nhãn hàng và nhà bán lẻ sẽ vẫn được tổ chức dựa trên giá cả thay vì chia sẻ rủi ro. 	<ul style="list-style-type: none"> Mô hình kinh doanh phân thành hai nhánh rõ ràng (sự tách biệt ngày càng lớn giữa các nhãn hàng “tốt nhất” và bên cung ứng và “các bên còn lại”). Thời trang ăn liền và các nhãn hàng chính quen thuộc tiếp tục chiếm ưu thế trong ngành và định hình quỹ đạo ngành. Tiềm năng cho những nỗ lực bền vững chủ động hơn được dẫn dắt bởi những người đi đầu trong ngành nhưng phần lớn vẫn mang tính tự phát, dựa trên sáng kiến hay bổ sung thêm thay vì mang tính chất cơ bản hay có cấu trúc. Một cấu phần lớn trong ngành tiếp tục áp dụng mô hình kinh doanh lặp lại 	<ul style="list-style-type: none"> Do áp lực nội bộ và/hoặc những quy định mở rộng hay cải tiến, rủi ro trong chuỗi cung ứng được tái cân bằng và được phân bổ công bằng hơn giữa các chủ thể (các nhãn hàng và nhà cung ứng) Triển vọng “giá trị chung” nổi lên như một thực tế tất yếu trong ngành, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> Nhu cầu lâu dài của người lao động được lồng ghép trong phương thức thương lượng lại hợp đồng và được áp dụng rộng rãi trong ngành. Vai trò trung tâm của “con người và hành tinh” đối với sự thịnh vượng của doanh nghiệp được ghi nhận bởi tất cả các chủ thể trong ngành. Các nhãn hàng và nhà cung ứng đầu tư vào một công cuộc chuyển dịch đúng đắn hướng tới bền vững môi trường và xã hội như một mối quan tâm kinh doanh cốt lõi, dẫn đến các mô hình kinh doanh tuần hoàn sáng tạo.
Tự động hóa và near-shoring	<ul style="list-style-type: none"> Near-shoring và tự động hóa quy mô lớn sẽ diễn tiến chậm hoặc chưa thực hiện được trong trung hạn. 	<ul style="list-style-type: none"> Near-shoring và tự động hóa bởi những người chơi lớn nhất (ví dụ như người mua lớn nhất trong quan hệ đối tác với một nhóm các nhà cung ứng toàn cầu) đồng nghĩa với việc sản xuất chi phí thấp, công nghệ thấp ở các nước đang phát triển sẽ tồn tại đồng thời với mức tăng trưởng ổn định của công nghệ robot và tự động hóa ở các nước có thu nhập cao hơn ở gần hoặc gần hơn với những thị trường tiêu thụ chủ chốt. 	<ul style="list-style-type: none"> Tự động hóa được khai thác do cả những lợi thế cạnh tranh và lợi ích xã hội và môi trường. Ví dụ như, tự động hóa được triển khai song song với việc nâng cao kỹ năng cho người lao động và tăng cường an sinh xã hội (cùng với các chính sách thị trường lao động chủ động khác) nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng gây chuyển dịch lực lượng lao động có thể có và đảm bảo một công cuộc chuyển dịch đúng đắn.

	Lặp lại	Khôi phục lại	Thương lượng lại
Kết quả đối với người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Quay trở lại mức sản xuất trước đại dịch với việc làm có thể bị thu hẹp: các doanh nghiệp hoạt động với tỷ suất lợi nhuận thấp trong thời kỳ trước đại dịch có thể khó khôi phục lại và những nhà cung ứng lớn hơn, được trang bị vốn tốt hơn, hoạt động hiệu quả hơn và nhiều nhà cung ứng với hiệu suất cao hơn có thể tiếp nhận đơn đặt hàng mà không phải huy động toàn bộ lực lượng lao động. Việc các nhà cung ứng tiếp tục được củng cố mang lại lợi ích cho người lao động trong các nhà máy (tư nhân và nhiều bên) tham gia các chương trình tuân thủ và quy định được thúc đẩy mạnh mẽ, ví dụ như chương trình Việc làm Tốt hơn ILO/IFC, hay các cơ chế thương lượng tập thể hiệu quả. Đối với tất cả những lao động khác, sự gia tăng cạnh tranh giữa các nhà cung ứng để lấy được những đơn hàng còn lại có thể làm giảm mức lương và tiêu chuẩn làm việc, việc thuê thầu phụ gia công các đơn hàng có làm tăng tình trạng phi chính thức. 	<ul style="list-style-type: none"> Sự phân hóa trong kết quả cho lao động dệt may làm việc tại các loại hình nhà xưởng khác nhau trong chuỗi cung ứng trở nên rõ rệt hơn. Việc tăng cường củng cố chuỗi cung ứng, tự động hóa và near-shoring dẫn đến mức lương cao hơn cho lao động có kỹ năng cao hơn và ít việc hơn cho lao động có kỹ năng thấp hơn ở một mức độ sản xuất nhất định. Kết quả cho những lao động khác trong ngành giống như tương lai được mô tả trong kịch bản lặp lại. Phần lớn trong quy trình sản xuất dệt may, dù là cấp toàn cầu, cấp khu vực hay trong nước, công tác quản trị lao động của công ty hay quy định công, đều không hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> Việc cấu hình lại ngành công nghiệp mang lại lợi ích trên phạm vi rộng cho lao động ngành dệt may trong toàn chuỗi cung ứng. Lao động trong nhà máy sản xuất cho những nhãn hàng và các nhà bán lẻ toàn cầu lớn nhất được hưởng lợi từ trách nhiệm giải trình và tính đại diện cao hơn được đưa vào các thỏa thuận hợp đồng mới và các mô hình quản trị mới. Phần lớn lao động (ngoài những nhà máy dẫn đầu) được hưởng lợi từ những thỏa thuận toàn ngành được thúc đẩy bởi các chính sách thương mại (bao gồm cả những điều khoản lao động trong các hiệp định thương mại) và những thay đổi trong pháp luật lao động và thông lệ ngành.
Quản trị lao động	<ul style="list-style-type: none"> Công tác quản trị công tại các nước sản xuất hàng dệt may ở châu Á sẽ tiếp tục thiếu nguồn lực và còn thiếu sót. Những quy định riêng của công ty được áp dụng xuyên quốc gia vẫn sẽ là chuẩn tắc trong chuỗi cung ứng toàn cầu và tỷ lệ lao động dệt may tham gia vào những cuộc đối thoại xã hội mang tính xây dựng, được đại diện bởi công đoàn hiệu quả hay thuộc phạm vi điều chỉnh của các thỏa thuận tập thể thực chất, vẫn còn khá thấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Không có sự đổi mới đáng kể trong quản trị lao động trong toàn bộ quy trình sản xuất có mạng lưới liên kết toàn cầu. Những nhà cung ứng lớn nhất, có uy tín đối với các nhãn hàng hàng đầu ngày càng ủng hộ những nỗ lực đối thoại xã hội trong nền tảng cung ứng của họ. Tín hiệu từ các nhà lập pháp và các nhà vận động cho người lao động đối với việc (thay đổi) trong thực hành tìm nguồn cung ứng và lao động, mặc dù có gia tăng nhưng vẫn lệch so với những tín hiệu về hiệu quả tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> Sự ra đời của ba nhóm tham gia thương lượng (nhà cung ứng, bên mua và người lao động và các tổ chức của họ) mang lại những giải pháp mới giúp phân bổ chi phí và rủi ro công bằng hơn trong các chuỗi cung ứng dệt may. Quản trị công hiệu quả hơn với đội ngũ thanh tra lao động có năng lực và thông qua việc thực thi quy định thẩm định bắt buộc về quyền con người.

► Hướng phát triển trong thời gian tới

Trong số ba kịch bản nêu trên, kịch bản nào có khả năng xảy ra nhất đối với ngành dệt may sau đại dịch COVID-19? Mô hình phục hồi vẫn còn rất không chắc chắn và đặc điểm tương lai khó dự báo trước vẫn là chuẩn tắc. Bên cạnh đó, có thể sẽ có nhiều phiên bản pha trộn của ba kịch bản này, với khung thời gian khác nhau và có thể sẽ xảy ra theo trình tự và với mức độ tăng dần. *Lặp lại* – là kịch bản mặc định trước đại dịch – tốn ít công sức nhất nhưng có thể khó được chấp nhận bởi các nhà đầu tư, nhà lập pháp, những người vận động cho lao động và phần đông nhà cung ứng. Khôi phục lại, có khả năng được thúc đẩy bởi những thay đổi trong quy trình và công nghệ sản xuất, có lẽ khả thi hơn. *Thương lượng lại* cần nhiều nỗ lực nhất và phụ thuộc vào sự liên kết của các “vệ tinh” – nhà đầu tư, nhà lập pháp, công đoàn, nhà vận động và nhà cung ứng, mà điều này hiếm khi xảy ra.

Đã có nhiều lời nhắc nhở rằng việc quay trở lại trạng thái bình thường “cũ”, về cơ bản nghĩa là kịch bản “lặp lại”, là không khả thi mà cũng không phải là bước đi được mong đợi đối với tương lai của ngành. Trước đại dịch COVID-19, ngành dệt may đã dễ bị tổn thương trước những cú sốc bên ngoài do yếu kém trong năng suất, cơ sở hạ tầng và kỹ năng cũng như do những thực hành sản xuất lãng phí và không bền vững. Việc công bố rủi ro thường kỳ theo quy định bắt buộc trong pháp luật của nhiều quốc gia, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về mức độ thiếu sự chuẩn bị của các nhân hàng lớn khi nhiều yếu tố rủi ro đồng thời xảy ra trong năm 2020.

Khi ngành bắt đầu phục hồi từ đại dịch, có thể các nhân hàng sẽ mở rộng và cải thiện công tác phân tích rủi ro, đồng thời chuyên nghiệp hóa công tác lập kế hoạch dự báo để có thể dự báo và quản lý tốt hơn những cú đánh đồng thời vào công việc kinh doanh của họ. Tuy nhiên, cần thiết phải có một sự chuyển dịch thực chất trong những yếu tố cơ bản của ngành để có sức chống chịu hơn, công bằng hơn và bền vững hơn trong tương lai. Vấn đề quan trọng là phải tái cân bằng rủi ro và làm thế nào để chia sẻ rủi ro trong toàn chuỗi cung ứng (giữa bên mua và nhà cung ứng).

Mặc dù kịch bản khôi phục lại tận dụng được lợi thế của những tiến bộ trong công nghệ và hiệu năng sản xuất, việc thiếu vắng những chính sách cụ thể để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của tiến bộ công nghệ, những cú sốc và khủng hoảng kinh tế, bao gồm cả khủng hoảng gây nên bởi COVID-19, sẽ tiếp tục làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng trong ngành (ILO 2021). Trong số những người sử dụng lao động, nghiên cứu đã chỉ ra rằng triển vọng phục hồi sẽ

khác nhau giữa các nhà máy địa phương quy mô nhỏ hơn và những nhà máy lớn do nước ngoài sở hữu (thường là liên kết dọc và có quan hệ chặt chẽ với bên mua), mà nhóm nhà máy nhỏ thường bị ảnh hưởng nặng nề nhất do nhu cầu tiếp tục giảm (sau đại dịch). Với chỉ 20% doanh nghiệp cung cấp 80% sản phẩm cho các bên mua lớn, tình hình này có khả năng vẫn sẽ tiếp tục duy trì trong thời kỳ phục hồi sau đại dịch (Judd và Jackson 2021).

Để tránh nguy cơ những kết quả bất lợi đối với những lao động dệt may dễ bị tổn thương nhất tiếp tục trầm trọng thêm, các tác nhân trong ngành cần cố gắng thương lượng lại những mô hình kinh doanh và quản trị cốt lõi của ngành dệt may toàn cầu. Những nỗ lực như vậy phù hợp với khung chính sách toàn cầu của ILO trong ứng phó khủng hoảng COVID-19, được phân thành bốn trụ cột: thúc đẩy nền kinh tế và việc làm; hỗ trợ doanh nghiệp, việc làm và thu nhập; bảo vệ người lao động tại nơi làm việc; và sử dụng đối thoại xã hội để tìm ra giải pháp. Những nỗ lực này đều phù hợp với Lời kêu gọi Hành động Toàn cầu vì một Công cuộc phục hồi lấy con người làm trung tâm đã được Hội nghị Lao động Quốc tế thông qua vào tháng 6 năm 2021, theo đó các nước đã cam kết đảm bảo công cuộc phục hồi kinh tế và xã hội từ khủng hoảng của họ “hoàn toàn bao trùm, bền vững và có sức chống chịu tốt”. Sự phối hợp giữa các công cụ mới, từ khoa học dữ liệu tới thiết kế ảo, cùng với cam kết khắc phục những yếu kém trong ngành có thể “tạo nên giá trị mới”. Điều này có thể giúp bên mua giảm bớt áp lực sản xuất và giá cả đối với nhà cung ứng và thúc đẩy việc làm thỏa đáng bằng cách tăng lương và đầu tư vào an sinh xã hội cho người lao động.

Một chất xúc tác và đòn bẩy cho người lao động và nhà cung ứng trong kịch bản thương lượng lại có thể là quy định công, cụ thể là việc thực thi hiệu quả quyền con người bắt buộc và quy định thẩm định về môi trường. Khi đi kèm với nó là đối thoại xã hội để giải quyết sự bất cân xứng về quyền lực trong ngành, ví dụ như thông qua những liên minh mới của các nhà cung ứng và công đoàn, kịch bản này sẽ tạo thuận lợi giúp ngành trở nên công bằng và bền vững hơn.

Kịch bản thương lượng lại này cũng dựa trên nỗ lực đảm bảo sự gắn kết tốt hơn giữa sản xuất và khía cạnh bền vững trong mô hình kinh doanh. Điều này có thể bao gồm cải cách tiền lương và chế độ khuyến khích của các nhóm gia công của các nhân hiệu để họ thưởng cho quyết định toàn diện hơn, giúp hỗ trợ một công cuộc chuyển dịch đúng đắn hướng tới

20 Truy cập tại https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/109/news/WCMS_803980/lang--en/index.htm

* Tóm tắt nghiên cứu này được phối hợp thực hiện bởi Arianna Rossi (Better Work, Geneva), Christian Viegelaun (Ban Phân tích Kinh tế và Xã hội cấp khu vực của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Bangkok) và David Williams (Dự án Việc làm Bền vững trong Chuỗi cung ứng Dệt may châu Á, Bangkok). Tóm tắt dựa trên nghiên cứu của các tác giả Jason Judd và J. Lowell Jackson trong Dự án Đối thoại mới tại Trường Quan hệ Lao động và Công nghiệp thuộc Đại học Cornell, phối hợp với ILO và được xuất bản trong tài liệu do Jude và Jackson thực hiện (2021). Đây cũng là tóm tắt nghiên cứu được thực hiện kèm theo *Hiệu ứng gợn sóng trong chuỗi cung ứng: đại dịch COVID-19 đang tác động như thế nào tới công nhân và các nhà máy dệt may tại châu Á và Thái Bình Dương (ILO 2020a)*.

đảm bảo tính bền vững trong dài hạn hơn. Tương tự như vậy, những khoản trả công ngoài lương cho nhóm gia công và các nhân viên điều hành cấp cao có thể được gắn với một số chỉ số đơn giản đánh giá hiệu suất chính liên quan đến lao động.

Để thay đổi những tín hiệu nội bộ và những tín hiệu gửi đến nhà cung ứng về cách thức các nhãn hàng ưu tiên những tiêu chuẩn lao động, các nhóm thiết kế, tìm nguồn và mua hàng có thể được yêu cầu lồng ghép những chỉ số hiệu suất hoạt động chính về tác động đối với lao động từ những quyết định của họ, ví dụ như, từ những thay đổi trong thiết kế sản phẩm hay thông số kỹ thuật của đơn hàng.

Những khuyến khích và tái cơ cấu kinh doanh này, cùng với khung chính sách toàn diện, đặt ra quy định phù hợp, một

môi trường thuận lợi cho đối thoại xã hội và khuyến khích tài chính ở cấp quốc gia, có thể là những bước đi quan trọng để đạt được một kịch bản thương lượng lại.

Ghi nhận tầm quan trọng của ngành đối với công cuộc phát triển kinh tế và việc làm tại châu Á và các khu vực khác, kịch bản thương lượng lại được xây dựng trên nền tảng kép là đối thoại xã hội mạnh mẽ hơn và đảm bảo sự bảo vệ cho người lao động, cùng với mức đầu tư tăng cường vào vốn vật chất và con người để thúc đẩy tăng trưởng doanh nghiệp và năng suất trong dài hạn là cách thức duy nhất khả thi để xây dựng một tương lai ngành lấy con người làm trung tâm – một tương lai vừa bền vững trong dài hạn, vừa đạt được một thỏa thuận công bằng về lợi ích trên phạm vi rộng cho tất cả các bên trong chuỗi cung ứng.

► Tài liệu tham khảo

- Abdulla, H. 2021. "[Cần phải làm gì để loại bỏ bông Tân Cương ra khỏi chuỗi cung ứng hàng dệt may?](#)", Ngày 10 tháng 2.
- AFWA (Liên minh Sàn lương châu Á). 2020. [Hoàng đế không có quần áo](#).
- Alderman, L. 2020. "[Pháp cho rằng có thể đảo ngược toàn cầu hóa, nhưng vẫn không thể ngăn tình trạng chảy máu việc làm](#)." The New York Times, 30 tháng 11.
- Amengual, M., G. Distelhorst, và D. Tobin. 2020. "[Tình hình thu mua toàn cầu theo luật lao động: Thiếu trung gian](#)." ILR Review, 73 (4): 817–840.
- Anner, M. 2020. [Đòn bẩy tuyệt vọng: Tập quán mua của các nhãn hàng dệt may trong giai đoạn Covid-19](#). Trung tâm PennState về Quyền của Người lao động Toàn cầu.
- Anner, M., S. Nova và L. Foxvog. 2020. [Những món nợ hàng tỉ: Dữ liệu cho thấy số lượng đơn hàng dệt may và giá cả tuột dốc trong tháng 6 do các nhãn hàng từ chối thanh toán cho hàng hóa mà họ yêu cầu sản xuất](#). Trung tâm PennState về Quyền của Người lao động Toàn cầu.
- Arnett, G. 2020. "[Dịch chuyển "về gần": Sự bùng nổ tiếp theo trong ngành dệt may châu u?](#)" Vogue Business, 28 tháng 8.
- ASOS Plc. 2020. [Báo cáo và Kế khai thường niên của ASOS PLC 2020](#).
- Bárcia de Mattos, F., J. Eisenbraun, D. Kucera, và A. Rossi. 2020. [Tự động hóa, Việc làm và Dịch chuyển sản xuất trong ngành dệt may: Gián đoạn dài hạn hay chỉ là việc bé xíu ra to?](#) 28. Tổ chức Lao động Quốc tế, Better Work.
- Bengtson, P. 2020a. "[Tại sao các nền dân chủ giám sát không giám sát tình trạng nô lệ trong chuỗi cung ứng?](#)" Global Policy Journal, 28 tháng 8.
- . 2020b. [Đằng sau quy trình kiểm toán xã hội trong chuỗi cung ứng: Ai nên giám sát? Nên tin ai?](#) Trung tâm Quyền con người và Doanh nghiệp.

Berg, A., M. Lobis, F. Rölken và P. Simon. 2018, 17 tháng 5. [Đẩy mạnh thời trang ăn liền: Làm thế nào để rút ngắn thời gian tiêu thụ](#). McKinsey & Company.

Better Buying. 2020. [Báo cáo Chỉ số của Better Buying 2020](#).

BHRR (Trung tâm Quyền con người và Doanh nghiệp). Tháng 2/2021. [Danh sách các Doanh nghiệp, Hiệp hội & Nhà đầu tư lớn công khai tuyên bố và hành động ủng hộ quy định về việc bắt buộc thực hiện pháp luật](#).

BOF (Business of Fashion). Không rõ ngày. ["BoF Podcast: bên trong thách thức về kho hàng tồn trị giá 4 tỷ đô la của H&M \(số 157\)."](#)

BOF (Business of Fashion) và McKinsey & Company. 2020. ["Tương lai trước mắt: Giữ các nhà cung cấp ở gần bạn."](#) 7 tháng 12.

Businesswire. 2020. ["Alibaba tiết lộ nhà máy sản xuất kỹ thuật số mới"](#) Businesswire, 16 tháng 9.

CARE International. 2020a. [Phụ nữ ở đâu? Sự vắng mặt rõ ràng của phụ nữ trong các Nhóm và Kế hoạch ứng phó COVID-19, và tại sao chúng ta cần họ](#).

———. 2020b. [Cần đánh giá về lao động ngành dệt may trong COVID-19](#). CARE International tại Campuchia.

CCC (Chiến dịch quần áo sạch). 2020a. ["Quỹ bảo đảm tiền lương và bảo lãnh cắt đứt hợp đồng trong giai đoạn COVID-19."](#)

———. 2020b. [Tuyên cáo lập trường về Tính minh bạch: Chiến dịch quần áo sạch](#).

Chang, J.-H., G. Rynhart, và P. Huynh. 2016. [ASEAN trong quá trình chuyển đổi: Dệt may, Quần áo và Da giày: Tái tạo tương lai](#). ILO.

Curley, M. 2020. ["Thực hiện pháp luật vì quyền con người: biến nó thành bắt buộc - và hiệu quả."](#) Viện Đại học châu u, 3 tháng Bảy.

Dean, G. 2020. ["Một báo cáo cho thấy các công ty thời trang đã hủy hoặc từ chối thanh toán 16,2 tỷ đô la đơn đặt hàng trong giai đoạn đại dịch, tạo ra món nợ lương trị giá 1,6 tỷ đô la Mỹ với người lao động."](#) *Business Insider*, 9 tháng 10.

Delisio, E. 2020, 3 tháng 3. [Tuyên bố của thế hệ Z với thế giới thời trang: Quên những món đồ dùng vài lần theo trào lưu đi. Chúng tôi thà mua quần áo đã qua sử dụng](#).

Deloitte. 2020. [Dệt may 2025: Những mô hình kinh doanh mới nào sẽ xuất hiện?](#) Deloitte Digital.

EIU (Đơn vị tình báo kinh tế). 2013. [Lựa chọn của người giàu: Triển vọng cho hàng hóa xa xỉ ở châu Á](#).

Achkar Hilal, S. Forthcoming. ["Việc làm, tiền lương và năng suất trong lĩnh vực dệt may tại châu Á: Nắm bắt các xu hướng trước giai đoạn COVID-19."](#) Tài liệu làm việc của ILO.

Ủy ban EU. 2020. ["Hiệp định thương mại Việt Nam - EU có hiệu lực."](#) 31 tháng 7.

fiber2fashion. 2020. ["Dữ liệu toàn cầu: Mỹ đứng yên trong quá trình dịch chuyển các nhà máy sản xuất quần áo may sẵn."](#) 4 tháng 12.

Foster, L., C. Grim và J. Haltiwanger. 2014. [Tái phân bổ trong cuộc Đại suy thoái: Liệu có phải là sự thanh lọc?](#) Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia.

Friedman, A. 2017. ["Oritain giới thiệu Công nghệ ID 'Vân tay' để kiểm tra bông."](#) Sourcing Journal, 15 tháng 9.

Nhật ký công nhân dệt may. 2020. "[Hai tháng kể từ tác động của COVID-19 đối với người lao động: Nhật ký công nhân dệt may.](#)"

Gerber Technology. 2019. "[Tự động hóa các xu hướng chính trong sản xuất dệt may: Vai trò của Robot trong quá trình thay đổi thị trường.](#)" 20 tháng 5.

GFA (Global Fashion Agenda), BCG (Boston Consulting Group) và SGC (Liên minh dệt may bền vững). 2019. [Nhịp đập của ngành thời trang, bản cập nhật 2019.](#)

Glover, S. 2020. "[Lao động cưỡng bức: Hoa Kỳ cấm nhập khẩu bông của Tập đoàn Xây dựng và Sản xuất Tân Cương \(XPCC\).](#)" Ecotextile News, 3 tháng 12.

Hall, C. 2017. "[Nghịch lý thời trang bền vững của Trung Quốc.](#)" The Business of Fashion, 11 tháng 10.

Hausman, W.H. và J.S. Thorbeck. 2010. "[Thời trang ăn liền: đong đếm lợi ích.](#)" Thuộc Chương trình phản ứng nhanh sáng tạo trong Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, biên tập bởi T.C.E. Cheng, và T.-M. Choi. 315–329. Springer.

Hernández, A. 2020. "[Học hỏi từ sai lầm trong mô hình SpeedFactory của Adidas.](#)" Supply Chain Dive, 4 tháng 2.

IAF (Liên đoàn May mặc Thế giới). 2021. "[Các nhà cung ứng toàn cầu cùng nhau cải thiện tập quán mua bán.](#)" 11 tháng 2.

ILO. 2019a. [Tương lai việc làm trong ngành Dệt may, Quần áo, Da giày.](#) Geneva.

———. 2019b. [Điều khoản lao động trong các Hiệp định Thương mại G7: Một góc nhìn so sánh.](#) Geneva.

———. 2019c. "[Bộ luật Lao động sửa đổi đưa Việt Nam tới gần hơn các tiêu chuẩn lao động quốc tế.](#)" 29 tháng 9.

———. 2019d. "[Các chuyên gia họp về Đối thoại xã hội xuyên biên giới, Geneva, 12–15 tháng 2 năm 2019.](#)"

———. 2020a. [Hiệu ứng gợn sóng trong chuỗi cung ứng: đại dịch COVID-19 đang tác động như thế nào tới công nhân và các nhà máy dệt may tại châu Á và Thái Bình Dương.](#) Bangkok.

———. 2020b. "[Kết luận nghiên cứu cuối kỳ về ngư dân và công nhân thủy sản ở Thái Lan.](#)" 10 tháng 3.

———. 2020c. [Tác động về giới của COVID-19 trong lĩnh vực dệt may.](#) Bangkok.

———. 2021. [COVID-19, Tiêm chủng và Nhu cầu của người tiêu dùng: Việc làm bị ảnh hưởng như thế nào trong chuỗi cung ứng toàn cầu.](#) Bangkok.

IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế). 2018. "[Sự phục hồi kinh tế toàn cầu 10 năm sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008.](#)" Trong Triển vọng Kinh tế Thế giới, tháng 10 năm 2018: Những thách thức đối với tăng trưởng ổn định. Washington DC.

Liên minh đầu tư. 2020. [Trường hợp đầu tư cho việc bắt buộc thực hiện pháp luật vì quyền con người.](#) Liên minh đầu tư vì nhân quyền.

Jackson, J.L., A. Burger và J. Judd. 2021. [Lập bản đồ đối thoại xã hội trong ngành dệt may: Báo cáo tổng hợp.](#) Ithaca, NY: Dự án Đối thoại mới của Đại học Cornell.

Judd, J. và J.L. Jackson. 2021. "[Tương lai hậu COVID của ngành công nghiệp dệt may.](#)" Báo cáo thảo luận của Better Work số. 42. Geneva: ILO và IFC.

Judd, J. và S.C. Kuruvilla. 2020. "[Ba thập kỷ hứa suông: dữ liệu cho thấy một ngành công nghiệp chậm cải thiện.](#)" Sourcing Journal, 15 tháng 10.

Judd, J., S. Kuruvilla và J.L. Jackson. Sắp xuất bản. Sự đảm bảo cho người lao động ngành dệt may: những mô hình thay thế. Ithaca, NY: Dự án Đối thoại mới của Đại học Cornell.

Kolben, K. 2004. *Thương mại, Giám sát, và ILO: nỗ lực cải thiện điều kiện làm việc tại các nhà máy dệt may của Campuchia*. Bangkok: ILO.

Kucera, D. và F. Bárcia de Mattos. 2020. *Tự động hóa, việc làm và xu hướng dịch chuyển nhà máy: Các nghiên cứu trường hợp trong ngành công nghiệp dệt may và điện tử*. Geneva: ILO.

Kumar, A. 2020. *Chủ nghĩa tư bản độc quyền: quyền lực và sản xuất trong thời kỳ thoái trào của các công xưởng bóc lột*. Cambridge, Vương quốc Anh: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Kuruvilla, S. 2021. *Quy định tư nhân và Tiêu chuẩn lao động trong chuỗi cung ứng toàn cầu: Vấn đề, Tiến độ và Triển vọng*. Ithaca, NY: Nhà xuất bản Đại học Cornell.

Li, C. và S. Kuruvilla. Sắp xuất bản. Tuân thủ quy tắc ứng xử và thay thế lao động trong chuỗi cung ứng toàn cầu: Người lao động coi trọng điều gì? Ithaca, NY: Dự án Đối thoại Mới của Đại học Cornell.

Lollo, N. và D. O'Rourke. Năm 2020a. "Đo lường không có động cơ rõ ràng để cải thiện: Tác động của công cụ đánh giá Higg FEM lên các tập quán và và hiệu suất của nhà máy dệt may." SocArXiv.

———. 2020b. "Tính minh bạch và động cơ tái tạo ngành công nghiệp dệt may." Triple Pundit, 17 tháng 8.

McCarthy, D. và P. Morling. 2015. *Sử dụng quy chế như một giải pháp cuối cùng?* Hiệp hội Bảo vệ Chim Hoàng gia.

McKinsey & Company. 2018. "Ngành sản xuất quần áo có đang hồi hương?"

———. 2020. *Tình hình ngành thời trang 2021*. 128.

McKinsey & Company, và BOF (Business of Fashion). 2020. *Tình hình ngành thời trang 2020*. 108.

NIKE, Inc. 2011. *Nike, Inc. Tóm tắt hiệu suất kinh doanh bền vững - năm tài chính 10/11*. Portland

———. 2019. "NIKE, Inc. 2019 Biểu mẫu 10-K."

Nishimura, K. 2021. "Cách ngành bán lẻ quản lý sự dịch chuyển khổng lồ sang nền tảng di động và kỹ thuật số." Sourcing Journal, 28 tháng 1.

PLWF (Tổ chức Platform Living Wage Financials). 2019. "Kết quả đánh giá năm 2019 của Platform Living Wage Financials."

Polaski, S., S. Anderson, J. Cavanagh, K. Gallagher, M. Pérez-Rocha và R. Ray. 2020. *Chính sách Thương mại làm người lao động Hoa Kỳ thất vọng như thế nào - Và cách khắc phục*. Boston, MA: Viện Nghiên cứu Chính sách, Trung tâm Chính sách Phát triển Toàn cầu của Đại học Boston.

Politzer, M. 2020. "'Tự thân vận động': Công nhân dệt may Bangladesh đối mặt với nguy cơ mất việc nếu mang thai." The Guardian, 9 tháng 7.

PUMA. 2011. *Báo cáo thường niên năm 2011 của PUMA*. Herzogenaurach, Đức.

———. 2019. *Báo cáo thường niên 2019 của PUMA*. Herzogenaurach, Đức.

Reed, T. 2016. "H.R.644 - Đại hội lần thứ 114 (2015-2016): Đạo luật thuận lợi hoá và thực thi thương mại năm 2015 (2015/2016)."

Robinson, G., M. Zhou và E. Maulia. 2019. "[Cái chết của thời trang ăn liền đang biến đổi ngành công nghiệp dệt may của Châu Á như thế nào.](#)" *Nikkei Asian Review*, 20 tháng 11.

Sebastio, F. 2018. "[Biến đổi khí hậu đang đe dọa ngành công nghiệp dệt may.](#)" 27 tháng 3.

Smit, L., C. Bright, R. McCorquodale, M. Bauer, H. Deringer, D. Baeza-Breinbauer, F. Torres-Cortés, F. Alleweldt, S. Kara, C. Salinier, H.T. Tobed, Europäische Kommission, và Generaldirektion Justiz und Verbraucher. 2020. [Nghiên cứu về các yêu cầu thực hiện pháp luật thông qua báo cáo chuỗi cung ứng cuối kỳ.](#) Văn phòng Xuất bản Liên minh Châu u.

Somanathan, E., R. Somanathan, A. Sudarshan và M. Tewari. 2021. "[Tác động của nhiệt độ lên năng suất và nguồn cung lao động: bằng chứng từ ngành sản xuất Ấn Độ.](#)" *Tạp chí Kinh tế Chính trị*, 713733.

The Economist. 2005. "[Tương lai của thời trang ăn liền.](#)" 18 tháng 6.

UN Women. 2020. [COVID-19 và Chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái.](#) New York.

UNCTAD (Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển). 2020. "[Thương mại điện tử toàn cầu đạt 25,6 nghìn tỷ đô la Mỹ - Ước tính mới nhất của UNCTAD.](#)" 27 tháng 4.

van der Weerd, K. 2021. "[Độc quyền có đạo đức: Sự khác biệt giữa quản lý hiệu suất của nhà cung cấp với chèn ép.](#)" *Supply Chain Dive*, ngày 28 tháng 1.

Vandenbussche, H., F. Di Comite, L. Rovegno, và C. Viegelahn. 2013. "[Tăng chất lượng? Mối quan hệ EU-Trung Quốc trong lĩnh vực may mặc.](#)" *Tạp chí Hội nhập Kinh tế* 28 (2): 303–326.

Vaughan-Whitehead, D., và L.P. Caro. 2017. [Tập quán mua bán và điều kiện làm việc trong chuỗi cung ứng toàn cầu: Kết quả khảo sát toàn cầu.](#) Geneva: ILO.

White, K., D.J. Hardisty, và R. Habib. 2019. "[Khó nắm bắt người tiêu dùng xanh.](#)" *Harvard Business Review*, 1 tháng 7.

Wicker, A. 2020. "[Tác động của thời trang lên môi trường thực sự là một điều bí ẩn.](#)" *Vox*, ngày 27 tháng 1.

WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới). 2020. [Đánh giá Thống kê Thương mại Thế giới 2020.](#) Geneva.



Sweden
Sverige

Decent Work in Garment Supply Chains Asia project

Contact details

ILO Regional Office for Asia and
the Pacific

United Nations Building
Rajdamnern Nok Avenue
Bangkok 10200, Thailand

T: +66 2288 1234
F: +66 2280 1735
E: BANGKOK@ilo.org
W: www.ilo.org/asiapacific